

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)		(3)	(4)	(5)
132	nt	Cầu Dón Hàng Gòn, bờ Bắc	Kênh Đứng, bờ Tây	1.2
133	Kênh Mười Quân	Đầu kênh Mười Quân, bờ Tây	Giáp kênh Dón Hàng Gòn	1.2
134	Kênh Bà Mụ	Đầu kênh Bà Mụ, bờ Tây	Giáp kênh Dón Hàng Gòn	1.2
135	Tuyến kênh Nước Phèn - 10 Quân (Bờ Nam)	Kênh Cây Bàng, bờ Tây	Kênh Mười Quân, bờ Đông	1.2
136	Tuyến kênh Nước Phèn - 10 Quân (Bờ Bắc)	Kênh Cây Bàng, bờ Tây	Kênh Mười Quân, bờ Đông	1.2
137	Kênh Biện Nhị (Bờ Nam)	Kênh Cây Bàng, bờ Tây	Kênh Chệt Tùng, bờ Đông	1.2
138	Kênh Biện Nhị (Bờ Bắc)	Kênh 30/4, bờ Tây	Kênh Chệt Lèm, bờ Đông	1.4
139	nt	Kênh Chệt Lèm, bờ Tây	Cầu ngang Khánh Lâm	1.2
140	nt	Cầu ngang Khánh Lâm	Cầu Ván, bờ Đông (Giáp xã Khánh Hội)	1.3
141	Kênh Kim Đài	Đầu kênh Kim Đài, bờ Tây	Giáp ranh xã Khánh Hòa	1.2
142	nt	Đầu kênh Kim Đài, bờ Đông	Giáp ranh xã Khánh Hòa	1.2
143	Kênh Ba Thước	Kênh Ba Thước (2 bên)	Giáp ranh xã Khánh Tiến	1.2
144	Kênh Cầu Ván	Đầu kênh Cầu Ván, bờ Đông	Giáp ranh xã Khánh Tiến	1.2
145	Kênh Lung Ranh	Từ bờ Đông Cầu Ván	Bờ Tây kênh 6 Thước	1.2
<b>6. Xã Khánh Hội</b>				
146	Tuyến lộ U Minh-Khánh Hội 2 bờ Nam, Bắc	Kênh Chệt Tùng	Đê Biển Tây	1.8
147	Tuyến sông kênh Hội	Đê Biển Tây (Kênh Hội, bờ Nam)	Kênh Chệt Tùng	1.6

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
148	nt	Đê Biển Tây (Kênh Hội, bờ Bắc)	Kênh Cầu Ván	1.2
149	Kênh Chệt Tùng	Đầu kênh Chệt Tùng, bờ Tây	Ngã ba cầu Tư Đại	1.2
150	nt	Ngã ba cầu Tư Đại	Đập ông Chín Thống	1.2
151	Kênh xáng Mới	Lộ xe U Minh Khánh Hội (Bờ Đông)	Giáp huyện Trần Văn Thời	1.4
152	nt	Lộ xe U Minh Khánh Hội (Bờ Tây)	Kênh 92	1.2
153	nt	Kênh 92, bờ Tây	Giáp huyện Trần Văn Thời	1.2
154	Đê Biển Tây, hướng Đông	Ranh đất ông Lâm Văn Thường	Giáp Trần Văn Thời (Kéo dài)	1.2
155	Kênh T29 (Bờ Bắc)	Đê Biển Tây	Tuyến 84 (Giáp xã Khánh Lâm)	1.2
156	Kênh đê Biển Tây, bờ Đông	Đồn Biên Phòng	Cống Lung Ranh	1.2
157	Kênh Cầu Ván, bờ Tây	Đầu kênh Cầu Ván	Vàm Mũi Đước	1.2
158	Kênh Cầu Ván, bờ Tây	Ngã ba Mũi Đước	Cống Lung Ranh	1.2
159	Tuyến Lung Lá - Mũi Đước	Đất nhà ông Năm Ân	Hết ranh đất nhà ông Tám Thống	1.2
160	Dón Dài (Bờ Bắc) - Kênh tập đoàn (Bờ Nam)	Đầu kênh Dón Dài	Hết kênh Dón Dài	1.2
<b>7. Xã Khánh An</b>				
161	Ngã ba Vàm Cái Tàu - Thới Bình	Bưu điện	Cống Hương Thành	1.2
162	nt	Cống Hương Thành	Trụ điện vượt sông	1.2
163	nt	Trụ điện vượt sông	Bờ Tây rạch Xẻo Dài (Đầu rạch)	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K) (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
164	Ngã ba vàm Cái Tàu - Thới Bình	Bờ Đông rạch Xéo Dài (Đầu rạch)	Bờ Nam rạch Cây Phú (Giáp Thới Bình)	1.2
165	Kênh Xéo Dài	Bờ Tây kênh Xéo Dài (Đầu vàm)	Hết ranh đất ông Kiệt	1.2
166	Ngã ba vàm Cái Tàu - Nguyễn Phích (Bờ Đông)	Ngã ba vàm Cái Tàu	Hết ranh hãng nước đá Sanh Phát 5	1.2
167	nt	Hết ranh hãng nước đá Sanh Phát 5	Hết ranh đất ông Chín Yên	1.2
168	nt	Hết ranh đất ông Chín Yên	Bờ Nam Xéo Mác	1.2
169	nt	Bờ Bắc Xéo Mác	Bờ Nam Xéo Tre	1.2
170	nt	Bờ Bắc Xéo Tre	Giáp Nguyễn Phích	1.2
171	Kênh Xéo Tre (2 bờ)	Bờ Nam (Đầu kênh)	Hết lộ bê tông (Kênh Giữa)	1.2
172	nt	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Kênh xáng Bình Minh	1.2
173	Ngã ba vàm Cái Tàu - giáp ranh xã Nguyễn Phích (Bờ Tây)	Từ nhà máy điện 1	Bờ Nam kênh Đào Trà tuyến 21	1.2
174	nt	Bờ Bắc kênh Đào Trà tuyến 21	Kênh Nam Dương	1.2
175	nt	Bờ Bắc rạch Rô	Bờ Nam ông Diễm (Giáp Nguyễn Phích)	1.2
176	Kênh Nam Dương (2 bờ)	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Lộ xe Cà Mau - U Minh	1.2
177	nt	Bờ Nam (Đầu kênh)	Lộ xe Cà Mau - U Minh	1.2
178	Rạch Rô (2 bờ)	Rạch Rô (Đầu kênh)	Giáp ranh đất Trại giam Cái Tàu	1.2
179	Kênh Đào Trà tuyến 21 - giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	Bờ Bắc kênh Đào Trà tuyến 21	Cầu kênh Thủy Lợi	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
180	Kênh Đào trả tuyến 21 - giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	Cầu kênh Thủy Lợi	Hết ranh Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần	1.2
181	nt	Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần (Bờ Bắc)	Hết ranh đất nhà ông Thur	1.2
182	nt	Hết ranh đất nhà ông Thur	Hết ranh đất ông Lai Chí Thống	1.2
183	nt	Hàng rào khu công nghiệp Khí - Điện - Đạm, bờ Nam	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	1.2
184	Lộ xe U Minh – Cà Mau (Đoạn từ giáp Nguyễn Phích đến cầu Tắc Thủ)	Ngọn rạch Ông Diễm	Tuyến 23	1.2
185	nt	Tuyến 23	Tuyến 21	1.2
186	nt	Tuyến 21	Giáp cống bờ bao lộ Minh Hà (Kéo dài thêm)	1.2
187	nt	Cống bờ bao lộ Minh Hà	Cầu Tắc Thủ	1.2
188	nt	Cống bờ bao lộ Minh Hà	Tuyến T19 (Giáp Trần Văn Thời)	1.2
189	nt	Trạm phân phối khí 2 bên (Theo ống dẫn khí)	Trục lộ xe Cà Mau – U Minh	1.2
190	Bờ Nam kênh xáng Minh Hà (Giáp Trần Văn Thời)	Đầu kênh xáng Minh Hà	Hết ranh đất ông Chín Bảo	1.2
191	nt	Hết ranh đất ông Chín Bảo	Ngọn Rạch Nhum	1.2
192	nt	Ngọn Rạch Nhum	Giáp Trần Văn Thời	1.2
193	Ngã ba Vàm Cái Tàu (Giáp Trần Văn Thời)	Bờ Tây lộ nhựa (Đầu tuyến 21 cũ)	Đường Võ Văn Kiệt	1.2
194	nt	Đường Võ Văn Kiệt	Cầu kênh xáng Minh Hà	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
95	nt	Cầu kênh xáng Minh Hà	Kênh Ranh giáp Trần Văn Thời	1.2
196	nt	Bờ Đông lộ nhựa (Đầu tuyến T21 cũ)	Hết ranh đất ông Kỳ	1.2
197	Ngã ba Vàm Cái Tàu (Giáp Trần Văn Thời)	Từ ranh đất ông Chiến (Hướng Đông)	Kênh Ranh giáp Trần Văn Thời	1.2
198	nt	Ngã ba Vàm Cái Tàu (Lộ lá)	Cầu Tắc Thủ	1.2
199	nt	Cầu Tắc Thủ (Bờ sông Ông Đốc)	Kênh Ranh giáp Trần Văn Thời	1.2
200	Đường Võ Văn Kiệt	Ngã 3 T21 khu Công nghiệp về phía Đông	Cống 9 Thái	1.2
201	nt	Ngã 3 T21 khu Công nghiệp về phía Tây	Cống 9 Thái	1.5
202	nt	Cống 9 Thái	Kênh Lũy	1.2
203	nt	Kênh Lũy	Giáp ranh đất ông Nguyễn Hồng Kỳ	1.2
204	Đường Võ Văn Kiệt	Hết ranh đất ông Nguyễn Hồng Kỳ	Cầu Khánh An	1.2
205	Bờ Tây Lô 1	Lộ xe Minh Hà	Đường ống dẫn khí	1.2
206	Lô 2 (2 bờ)	Lộ kênh xáng Minh Hà	Trại giam Cái Tàu	1.2
207	Lô 3 (2 bờ)	Lộ kênh xáng Minh Hà + 500m	Trại giam Cái Tàu	1.2
208	Rạch Gián 2 bờ	Đầu Vàm	Hết lô 3	1.2
209	Rạch Nhum Bờ Nam (Tên cũ: Rạch Nhum 2 bờ)	Đầu Vàm	Giáp lộ Minh Hà	1.2
210	Tuyến kênh 29	Đông kênh 93	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>Khu Tái Định Cư</b>				
211	Đường số 1	Từ đường số 2	Đường số 8	1.2
212	Đường số 1A	Từ đường số 4	Đường số 6	1.2
213	Đường số 2	Từ đường số 1	Đường số 11	1.2
214	Đường số 3	Từ đường số 2	Đường số 8	1.2
215	Đường số 4	Từ đường số 1	Đường số 11	1.2
216	Đường số 5	Từ đường số 2	Đường số 8	1.2
217	Đường số 6	Từ đường số 1	Đường số 11	1.2
218	Đường số 7	Từ đường số 2	Đường số 8	1.2
219	Đường số 8	Từ đường số 1	Đường số 11	1.2
220	Đường số 9	Từ đường số 2	Đường số 8	1.2
221	Đường số 11	Từ đường số 2	Đường số 8	1.2
222	Đường số 11A	Từ đường số 4	Đường số 6	1.2
223	Rạch Giếng (Bờ Nam)	Đầu Rạch	Hết lộ bê tông	1.2
224	Kinh Cây Phú (Bờ Nam)	Kinh xáng Lộ Xe	Hết lộ bê tông	1.2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2

4. HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

ST	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>1. Xã Khánh Bình Tây Bắc</b>				
1	Tuyến bờ Đông kênh xáng Giữa	Ngã tư Ba Tinh (Đất ông Lê Văn Cang)	Đường ống dẫn khí PM3	1.2
2	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Chót	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thắng	1.0
3	nt	Ranh đất bà Sừ Thị Hòa	Hết ranh đất ông Trương Văn Oai	1.2
4	nt	Ranh đất ông Lương Minh Tuấn	Hết ranh đất ông Huỳnh Thanh Bình	1.2
5	nt	Ranh đất bà Nguyễn Thị Rót	Hết ranh đất ông Huỳnh Thượng Hải	1.2
6	Tuyến bờ Tây kênh xáng Giữa	UBND xã	Đường ống dẫn khí PM3	1.3
7	nt	Ranh đất bà Châu Thị Mận	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây	1.0
8	Tuyến bờ Bắc kênh Ba Tinh	Ranh đất ông Phan Viết Thanh	Hết ranh đất ông Võ Tấn Biệt	1.2
9	nt	Ranh đất ông Huỳnh Tấn Phiếu	Hết ranh Trường Tiểu học 1	1.0
10	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Quang	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Xiếu	1.2
11	Tuyến bờ Nam kênh Ba Tinh	Ranh đất ông Lê Văn Vinh	Đầu Kênh 16	1.2
12	nt	Đầu kênh 16	Đầu kênh Tạm Cấp	1.2
13	nt	Đầu kênh Tạm Cấp	Hết ranh đất ông Lê Văn Phát	1.2
14	nt	Ranh đất ông Đỗ Hữu Lộc	Hết ranh đất Trường THCS	1.2
15	Tuyến bờ Đông kênh Tạm Cấp	Đường ống PM3	Hết ranh đất ông Trương Văn Chính	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
16	Tuyến bờ Tây kênh Tạm Cấp	Đường ống PM3	Hết ranh đất ông Trương Văn Hùm	1.2
17	Tuyến bờ Đông kênh 30	Đường ống PM3	Hết ranh đất bà Nguyễn Thanh Ngân	1.2
18	Tuyến bờ Tây kênh 30	Đường ống PM3	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang	1.2
19	nt	Ranh đất ông Trần Văn Rờ (Nguyễn Thị Thủy)	Hết ranh đất ông Dương Văn Trục	1.2
20	Tuyến bờ Đông kênh 16	Ranh đất ông Trần Văn Tuấn	Hết ranh đất ông Bùi Văn Luông	1.2
21	nt	Hết ranh đất ông Bùi Văn Luông	Hết ranh đất ông Phạm Văn Minh	1.2
22	Tuyến bờ Tây kênh 16	Trạm Tiếp bờ PM3	Hết ranh đất ông Mai Văn Thắng	1.2
23	nt	Trạm Tiếp bờ PM3	Hết ranh đất ông Trần Văn Phước	1.2
24	nt	Hết ranh đất ông Trần Văn Phước	Hết ranh đất ông Bùi Văn Ri	1.2
25	Tuyến bờ Đông kênh Xóm Huế	Ranh đất ông Huỳnh Xuân Tới	Hết ranh đất ông Lý Văn Tuấn	1.2
26	Tuyến bờ Tây kênh Xóm Huế	Ranh đất bà Lê Thị Bút	Hết ranh đất ông Ngô Văn Đèo	1.2
27	Tuyến bờ Bắc kênh Sào Lưới	Ranh đất ông Nguyễn Quốc Tiến	Hết ranh đất ông Võ Văn Chiến	1.2
28	nt	Ranh đất ông Võ Văn Hoàng	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Học	1.2
29	Tuyến bờ Nam kênh Sào Lưới	Ranh đất Nguyễn Văn Hai	Hết ranh đất ông Hồng Đông Châu (Giáp đê Trung ương)	1.0
30	Tuyến bờ Tây kênh 84	Ngã ba tuyến 21- 84	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây	1.2
31	Tuyến bờ Tây kênh Dớn	Ngã ba tuyến 21 - kênh Dớn	Hết ranh đất bà Phạm Thị Lía (Ngã 3 kênh Mười Luom)	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
32	Tuyến bờ Tây kênh Dón	Ranh đất ông Dương Thành Nguyên	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây	1.2
33	Tuyến bờ Đông kênh 88	Ranh đất ông Nguyễn Văn Đém	Ranh đất Trường THCS Lâm Ngư Trường	1.2
34	nt	Trường THCS Lâm Ngư Trường	Ngã tư tuyến 88 - 21	1.2
35	Tuyến bờ Tây kênh 88	Đường ống PM3	Hết ranh đất bà Đỗ Thị Hiền	1.2
36	nt	Đường ống PM3	Hết ranh đất ông Nguyễn Hữu Thịnh	1.2
37	nt	Ranh đất ông Cao Hoàng Giao	Ngã tư tuyến 88 - 25	1.2
38	Tuyến bờ Bắc kênh tuyến 21 (PM3)	Ranh đất ông Lê Văn Hiền	Trạm tiếp bờ PM3	1.2
39	Tuyến bờ Đông kênh bờ Bao (Phía trong Đê quốc phòng)	Ranh xã Khánh Bình Tây	Hết ranh đất ông Lê Hoàng Nam	1.2
40	nt	Ranh đất ông Nguyễn Thành Nam	Ranh xã Khánh Hội, huyện U Minh	1.2
41	Tuyến bờ Tây kênh 85	Ranh đất ông Phạm Công Uẩn	Hết ranh đất ông Lê Tấn Lợi	1.2
42	Tuyến Bờ Tây kênh 87	Ranh đất ông Nguyễn Văn Bình	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Kiệt	1.2
43	Tuyến bờ Đông kênh Đào	Ranh đất ông Phạm Văn Cân	Hết ranh đất bà Lê Ngọc Biết	1.2
44	Tuyến bờ đông kênh Cùng	Ranh đất bà Trương Thị Út	Hết ranh đất ông Dương Văn Minh	1.2
45	Tuyến bờ tây kênh Cùng	Ranh đất bà Trương Thị Bê	Hết rang đất ông Nguyễn Thanh Tùng	1.2
46	Tuyến bờ Tây kênh Tạm Cấp	Ranh đất ông Tôn Văn Đe	Hết ranh đất ông Tạ Minh Quang	1.2
	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m			1.2
<b>2. Xã Khánh Bình</b>				

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
47	Lộ ô tô về Trung tâm xã Khánh Bình Đông (Bờ Đông)	Ranh đất ông Trần Văn Quang (Giáp xã Khánh Bình Đông)	Ngã ba Bảy Triệu (Hết ranh đất ông Châu Văn Nam)	1.2
48	nt	Ranh đất ông Châu Văn Nam	Vàm Rạch Cui (Ranh Trường tiểu học)	1.2
49	nt	Ngã ba Bảy Triệu	Vàm Rạch Cui (Hết ranh đất ông La Văn Sạn)	1.2
50	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê)	Giáp huyện U Minh	Cống kênh Hội (Ranh đất ông Lê Tấn Lợi)	1.2
51	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê)	Cống Kênh Hội	Cống Đường Ranh (Hết ranh đất ông Võ Thanh Hải)	1.2
52	nt	Cống Đường Ranh	Cống Chồn Gầm	1.2
53	nt	Cống Chồn Gầm	Tượng đài Liệt Sỹ	1.2
54	nt	Tượng đài Liệt Sỹ	Cống Rạch Bào (Hết ranh đất ông Nguyễn Quốc Việt)	1.2
55	nt	Cống Rạch Bào (Đất ông Nguyễn Văn Thám)	Vàm Ông Bích	1.2
56	nt	Vàm Ông Bích (Đất ông Nguyễn Văn Sơn)	Vàm Cả Giữa (Hết ranh đất Ký Văn Hoàng)	1.2
57	nt	Vàm Cả Giữa (Đất ông Dương Văn Chiến)	Vàm ông Kiệt (Ranh đất bà Lý Thị Hoa)	1.2
58	nt	Vàm ông Kiệt (Đất ông Nguyễn Văn Đức)	Kênh Giữa (Hết ranh đất bà Lê Thị Mãnh)	1.2
59	nt	Kênh Giữa (Hết ranh đất ông Hồ Văn Trọng)	Vàm Rạch Cui (Ranh đất ông La Văn Sạn)	1.2
60	nt	Vàm Rạch Cui (Đất Trường tiểu học)	Giáp xã Khánh Bình Đông (Hết ranh đất ông Trương Văn Vinh)	1.2
61	nt	Ranh đất ông Ký Văn Tâm (Đi vào kênh Cả Giữa)	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Út	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
62	nt	Ranh đất bà Ký Thị Huy (Hướng Đông)	Hết ranh đất ông Ký Văn Nhi	1.2
63	nt	Trường Tiểu học Vàm Ông Bích	Hết ranh đất ông Phạm Văn Túc	1.2
64	nt	Kênh Cựa Gà (Ông Bích)	Hết ranh đất ông Nguyễn Ngọc Rô	1.2
65	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Hận (Vào Kênh Chồn Gằm)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hưng	1.2
66	nt	Ranh đất Lê Văn Phường (Vào kênh Chồn Gằm)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thông	1.2
67	nt	Ranh đất ông Dương Văn Hữu (Đường Ranh)	Hết ranh đất ông Dư Văn Trung	1.2
68	Lộ Tác Thủ - Sông Đốc (Trong đê)	Ranh đất bà Võ Thị Thương (Đường Ranh)	Hết ranh đất ông Nguyễn Trung Tàn	1.2
69	nt	Cổng Kênh Hội (Bờ Nam, trở vào kênh Hội)	Hết ranh đất ông Nguyễn Hoàng Thao	1.2
70	nt	Cổng Kênh Hội (Bờ Bắc, trở vào kênh Hội)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Tý	1.2
71	nt	Cổng Kênh Ranh trở vào	Hết ranh đất ông Phạm Văn Ất	1.2
72	nt	Giáp huyện U Minh	Cổng Kênh Hội (Ngoài đê)	1.2
73	nt	Cổng Kênh Hội (Ngoài đê)	Hết ranh đất ông Lý Văn Bánh	1.2
74	nt	Hết ranh đất ông Lý Văn Bánh	Cổng Đường Ranh (Hết ranh đất ông Dư Văn Chiến)	1.2
75	nt	Cổng Đường Ranh	Cổng Chồn Gằm	1.2
76	nt	Đất Trường cấp II	Vàm Rạch Bào	1.2
77	nt	Vàm Rạch Bào	Vàm Ông Bích	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
78	nt	Vàm Ông Bích	Vàm Cả Giữa (Hết ranh đất Nguyễn Văn Sơn)	1.2
79	nt	Vàm Cả Giữa	Vàm ông Kiệt (Hết ranh đất bà Lý Thị Hoa)	1.2
80	nt	Vàm ông Kiệt	Vàm Rạch Cui (Hết ranh đất ông Trịnh Hoàng Na)	1.2
81	nt	Vàm Rạch Cui	Giáp xã Khánh Bình Đông (Hết ranh đất ông Võ Văn Đượ)	1.2
82	nt	Vàm Rạch Cui (Hướng Nam)	Sông Ông Đốc (2 bờ)	1.2
83	nt	Cống Cả Giữa (Hướng Nam) 2 bờ	Sông Ông Đốc	1.2
84	nt	Ranh đất bà Nguyễn Kim Loan (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Lý Văn Út	1.2
85	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Hình (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Trần Văn Sự	1.2
86	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê)	Cống Chồn Gầm	Sông Ông Đốc (02 bờ)	1.2
87	nt	Cống Đường Ranh (02 bờ)	Sông Ông Đốc	1.2
88	nt	Công Kênh Hội (02 bờ)	Sông Ông Đốc	1.2
89	nt	Cống Kênh Ranh	Sông Ông Đốc	1.2
90	Kênh Cựa Gà (Áp 19/5)	Ranh đất ông Lê Văn Tâm	Hết ranh đất bà Nguyễn Lệ Thủy	1.2
91	Kênh Chòm Gầm (Áp 19/5)	Ranh đất bà Lê Thị Cẩm	Hết ranh đất bà Dư Thị Mỹ Quyết	1.2
	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m			1.2
<b>3. Xã Khánh Bình Đông</b>				

STT	Đường, tuyên lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
92	Lộ Ô tô về trung tâm xã	Đất bà Lê Thị Liên (Giáp xã Khánh Bình)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sanh	1,2
93	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sanh	Ngã tư phố Rạch Cui (Hết ranh đất ông Lê Hoàng Thạch)	1,2
94	nt	Đất UBND xã	Hết ranh đất ông Lê Văn Cẩm	1,2
95	nt	Ranh đất ông Lê Văn Cẩm (Bờ Nam Kênh Dân Quân)	Hết ranh đất Dương Hoàng Nhân	1,2
96	nt	Ranh đất ông Dương Hoàng Nhân	Hết ranh đất ông Lý Văn Huê (Bờ Nam)	1,2
97	Lộ Ô tô về Trung tâm xã (Bờ Đông - Bắc)	Hết ranh đất ông Đặng Trung Lưu (Giáp xã Khánh Bình)	Hết ranh đất ông Mai Văn Ngà (Bờ Bắc)	1,2
98	nt	Hết ranh đất ông Mai Văn Ngà (Bờ Bắc)	Ngã tư phố Rạch Cui (Hết ranh đất ông Lê Văn Diệp)	1,2
99	nt	Ngã tư phố Rạch Cui (Ranh đất ông Huỳnh Văn Nhỏ)	Hết ranh đất bà Lê Thị Quyên	1,2
100	Trung tâm xã	UBND xã về hướng kênh Tạm Cấp (Bờ Tây, ranh đất ông Huỳnh Văn Nhỏ)	Hết ranh đất bà Lê Hồng Sáu	1,2
101	Trung tâm xã	UBND xã về hướng kênh Tạm Cấp (Bờ Đông, ranh đất ông Trần Văn Tài)	Hết ranh đất ông Trần Văn Tấn	1,2
102	nt	Đầu kênh Xóm Nhà Ngói (Bờ Tây, Chùa Rạch Cui)	Hết ranh đất ông Nguyễn Thành Sáu	1,2
103	nt	Đầu kênh Xóm Nhà Ngói (Bờ Đông, ranh đất ông Lê Hoàng Thạch)	Hết ranh đất ông Lê Văn Ân	1,2
104	nt	UBND xã về hướng ngã ba Tám Chánh (Bờ Đông, Chùa Rạch Cui)	Hết ranh đất ông Đặng Tấn Phát	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
105	nt	UBND xã về hướng ngã ba Tám Chánh (Bờ Tây, đất bà Đặng Thị Vàng)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thượng	1,2
106	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê)	Đất ông Trương Văn Khỏe (Giáp ranh xã Khánh Bình)	Hết ranh đất ông Lê Hoàng Lắm (Vàm Tham Trơi)	1,2
107	nt	Hết ranh đất ông Lê Hoàng Lắm	Giáp ranh thị trấn Trần Văn Thời (Trong đê)	1,2
108	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê, Đập Mương Cùi)	Ranh đất bà Lê Thị Bé và ông Trần Quốc Đáo	Hết ranh đất ông Đặng Văn Út và ông Mai Văn Kinh	1,2
109	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê, Đập Lung Bạ)	Ranh đất ông Ngô Khánh Lắm và Nhà văn hóa ấp Lung Bạ	Hết ranh đất ông Lai Văn Chiến và ông Nguyễn Văn Lý	1,2
110	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê, Đập Rạch Nhum)	Đất ông Nguyễn Hoàng Đỏ (Bờ Đông kênh Rạch Nhum)	Hết ranh đất ông Nguyễn Hoàng Thế	1,2
111	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê, Kênh Tham Trơi)	Ranh đất ông Nguyễn Sinh Cung (Bờ Tây kênh Tham Trơi)	Hết ranh đất bà Trần Thị Hà	1,2
112	nt	Hết ranh đất bà Trần Thị Hà	Hết ranh đất bà Hồ Thị Chơn	1,2
113	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê, Kênh Tham Trơi, Bờ Đông)	Đất ông Lê Minh Dân (Bờ Đông kênh Tham Trơi)	Hết ranh đất bà Mạc Thị Góp	1,2
114	nt	Ranh đất ông Trần Thanh Phong	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thấy	1,2
115	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê, Kênh Gạch Nhum)	Ranh đất bà Nguyễn Thị Lời (Bờ Đông kênh Rạch Nhum)	Hết ranh đất ông Nguyễn Hoàng Đỏ	1,2
116	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê, Kênh Gạch Nhum)	Đất Trụ sở văn hóa ấp Rạch Nhum	Hết ranh đất ông Trần Văn Tiên	1,2
117	nt	Đất ông Kiều Văn Phú (Bờ Tây Ngọn Rạch Nhum)	Hết ranh đất ông Trần Văn Giàu	1,2

	Đường, tuyên lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
118	nt	Ranh đất ông Trần Văn Giàu (Bờ Tây Ngọn Rạch Nhum)	Hết ranh đất ông Trần Văn So	1,2
119	nt	Đất ông Trần Văn Lến (Bờ Đông Ngọn Rạch Nhum)	Hết ranh đất ông Lê Văn Ân	1,2
120	nt	Ranh đất ông Kiều Văn Phú (Bờ Bắc kênh Bà Kẹo)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cung	1,2
121	nt	Đất ông Quách Văn Nhon (Bờ Nam kênh Bà Kẹo)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Út	1,2
122	nt	Đầu kênh Bà Kẹo (Bờ Tây kênh Rạch Nhum)	Hết ranh đất Trụ sở văn hóa ấp Rạch Nhum (Đầu kênh Bến Mã)	1,2
123	Lộ Tác Thủ - Sông Đốc (Ngoài đê)	Ranh đất ông Lê Văn Vui (Ngoài đê)	Hết ranh đất ông Huỳnh Trung Vũ	1,2
124	nt	Hết ranh đất ông Huỳnh Trung Vũ	Giáp ranh thị trấn Trần Văn Thời (Ngoài đê)	1,2
125	Ngã ba Tám Chánh	Đất ông Võ Duy Nghi (Bờ Đông kênh Tám Chánh)	Hết ranh đất bà Mạc Thị Góp	1,2
126	nt	Đất ông Võ Văn Luận, hướng về đường Cuốc (Bờ Tây kênh Tám Chánh)	Hết ranh đất ông Cao Văn Phàn	1,2
127	nt	Hết ranh đất ông Trần Văn Tân (Bờ Đông kênh Tám Chánh)	Hết ranh đất ông Trần Văn Hương	1,2
128	nt	Hết ranh đất ông Võ Duy Nghi (Bờ Tây kênh Đường Cuốc)	Hết ranh đất ông Thái Trung Kiên	1,2
129	nt	Đất ông Nguyễn Tấn Tài	Hết ranh đất ông Trần Văn Tân	1,2
130	nt	Đất ông Từ Văn Vĩnh (Bờ Tây kênh Tám Chánh)	Ranh đất ông Nguyễn Văn Thượng	1,2
131	Ngã ba Tám Chánh	Đất ông Nguyễn Văn Ngươn	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Trảng	1,2

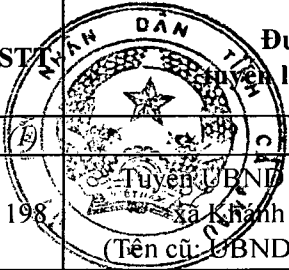
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
132	nt	Trụ sở sinh hoạt văn hóa ấp 4 (Bờ Bắc)	Hết ranh đất ông Lê Văn Quý	1,2
133	nt	Đất ông Trần Văn Phấn (Bờ Nam)	Hết ranh đất bà Đoàn Thị Thứ	1,2
134	nt	Đất Trường Tiểu học 3	Hết ranh đất ông Trần Văn Quân	1,2
135	Xã Khánh Tây cũ	Đất bà Trần Thị Định (Bờ Tây, về hướng kênh Sole)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Du (Giáp xã Trần Hợi)	1,2
136	nt	Đất Trường cấp I (Bờ Đông, về hướng kênh Sole)	Hết ranh đất ông Đặng Văn Gạo	1,2
137	nt	Đất ông Tiêu Văn Phong (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Trần Văn Thôn	1,2
138	nt	Đất ông Trần Thành	Giáp ranh xã Khánh Bình	1,2
139	nt	Đất Nghĩa trang cũ (Về hướng ngã 3 Lò Đường)	Hết ranh đất ông Lê Văn Bé	1,2
140	nt	Ranh đất bà Trần Thị Định (Bờ Tây kênh Dân Quân)	Hết ranh đất ông Quách Kim (Đầu kênh Công nghiệp)	1,2
141	nt	Đất ông Trần Thanh Phong	Hết ranh đất ông Đặng Văn Tòng	1,2
142	Ngã tư Sole	Ranh đất ông Trần Văn Út (về hướng Khánh Tây cũ)	Hết ranh đất ông Nguyễn Thành Trung	1,2
143	nt	Đất ông Trần Văn Út (Về hướng Tám Chánh)	Hết ranh đất ông Lê Văn Quý	1,2
144	Ngã ba Lò Đường	Ranh đất ông Bùi Văn Đục	Hết ranh đất Ủy ban nhân dân xã quản lý	1,2
145	Ngã Tư Sole	Ranh đất ông Nguyễn Văn Du (Bờ Đông kinh 1/5)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Quang (Giáp kênh xáng Vò Dơi)	1,2
146	nt	Trụ sở sinh hoạt ấp Minh Hà A (Bờ Tây Kinh 1/5)	Hết ranh đất ông Đinh Văn Mẫn (Giáp kênh xáng Vò Dơi)	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
147	Nông trường cũ	Nông trường cũ (Ngã ba Minh Hà)	Hết ranh đất Trường Tiểu học IV	1,2
148	Kênh Kiểm Lâm	Ranh đất ông Hồng Thanh Tâm	Hết ranh Nông Trường Bộ	1,2
149	Kênh Coi Tư 14	Hết ranh đất bà Nguyễn Kim Khôn	Hết ranh đất ông Trịnh Thái Sơn (Mên)	1,2
150	Kênh Già Đông	Ranh đất trường tiểu học 3	Hết ranh đất bà Dương Hồng Uyển	1,2
151	Kênh Tăng Mốc (Bờ Đông)	Ranh đất ông Trần Tứ	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nguyễn	1,2
152	Kênh Tăng Mốc (Bờ Tây)	Ranh đất ông Lê Minh Lý	Hết ranh đất bà Danh Thị Án	1,2
	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m			1,2
<b>4. Xã Trần Hợi</b>				
153	UBND xã - kênh Cũ	Ngã tư UBND xã (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Điền	1.2
154	nt	Ranh đất ông Phạm Văn Điền	Ngã ba kênh Chùa hết đất ông Tiến	1.2
155	nt	Ngã tư UBND xã (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Điện	1.2
156	nt	Ranh đất ông Phạm Văn Điện	Hết ranh đất Trường Trung học Trần Hợi I	1.2
157	nt	Ranh đất Trường Trung học Trần Hợi I	Giáp thị trấn Trần Văn Thời	1.2
158	UBND xã - Sole	Ngã tư UBND xã bờ Nam (Hướng Đông)	Hết ranh đất Trường tiểu học Trần Hợi 3	1.2
159	nt	Hết ranh đất Trường tiểu học Trần Hợi 3	Hết ranh đất ông Lâm Văn Há	1.2
160	nt	Ngã tư UBND xã bờ Bắc (Hướng Đông)	Hết ranh đất bà Đặng Thị Gương	1.2
161	nt	Hết ranh đất bà Đặng Thị Gương	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lèo	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
162	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lèo	Giáp xã Khánh Bình Đông	1.2
163	nt	Hết ranh đất ông Lâm Văn Há	Hết ranh đất ông Trần Thanh Toàn	1.2
164	nt	Hết ranh đất ông Trần Thanh Toàn	Ngã tư Sole	1.2
165	UBND xã - Kênh Đứng	Ngã tư UBND xã bờ Nam (Hướng Tây)	Hết ranh đất ông Duy Ngọc Lâm	1.2
166	nt	Hết ranh đất ông Duy Ngọc Lâm	Hết ranh đất ông Bùi Văn Tài	1.2
167	nt	Ngã tư UBND xã bờ Bắc (Hướng Tây)	Hết ranh đất Trần Xuân Vũ	1.2
168	nt	Hết ranh đất Trần Xuân Vũ	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cam	1.2
169	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cam	Cầu kênh Đứng	1.2
170	Cầu kênh Đứng - Co Xáng	Cầu kênh Đứng (Hướng Bắc)	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Tươi	1.2
171	nt	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Tươi	Hết ranh đất ông Huỳnh Tấn Ngọc	1.2
172	nt	Hết ranh đất ông Huỳnh Tấn Ngọc	Hết ranh đất ông Phạm Thanh Bình	1.2
173	nt	Hết ranh đất ông Phạm Thanh Bình	Cầu Co Xáng	1.2
174	nt	Cầu Co Xáng	Cầu về Vồ Dơi	1.2
175	Cầu kênh Đứng - Co Xáng	Khu thực nghiệm (Hướng Đông)	Cổng T19	1.2
176	nt	Ranh đất bà Trần Thị Sa	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tri	1.2
	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m			1.2
<b>5. Xã Khánh Bình Tây</b>				

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
177	UBND xã Khánh Bình Tây - Khánh Bình Tây Bắc (Bờ Đông) (Tên cũ: Lộ Khánh Bình Tây - Khánh Bình Tây Bắc)	Trụ sở UBND xã (Tên cũ: Trụ sở UBND xã (Về hướng Bắc))	Hết ranh đất ông Năm Thạnh (Tên cũ: Hết ranh đất Năm Thạnh)	1.2
178	nt	Hết ranh đất ông Năm Thạnh (Tên cũ: Hết ranh đất Năm Thạnh)	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây Bắc (Bờ Đông)	1.2
179	UBND xã Khánh Bình Tây - Khánh Bình Tây Bắc (Bờ Tây) (Tên cũ: Ngang Lộ Khánh Bình Tây - Khánh Bình Tây Bắc)	Ranh Trường Tiểu học A	Hết ranh đất bà Út Em	1.0
180	UBND xã Khánh Bình Tây - Khánh Bình Tây Bắc (Bờ Tây) (Tên cũ: Ngang Lộ Khánh Bình Tây - Khánh Bình Tây Bắc)	Ranh đất ông Hai Ngọc	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây Bắc (Bờ Tây)	1.2
181	Tuyến Coi 5 - Hòn Đá Bạc (Tên cũ: Ngang Lộ Khánh Bình Tây - Khánh Bình Tây Bắc)	Cầu Coi 5	Cầu Kênh Đứng (nhà ông Hoà Lợi) (Tên cũ: Cầu nhà ông Hòa Lợi (Phía có lộ giao thông))	1.2
182	nt	Trụ sở UBND xã (Tên cũ: Trụ sở UBND xã (Về hướng Đông))	Cầu Kênh Đứng (nhà ông Hoà Lợi) (Tên cũ: Hết ranh đất ông Hòa Lợi)	1.2
183	nt	Hết ranh Trường Tiểu học A	Đầu kênh Cựa Gà Bảy Báo	1.0
184	Tuyến Coi 5 - Hòn Đá Bạc (Tên cũ: Tuyến lộ UBND xã - Hòn Đá Bạc (Bờ Bắc))	Hết ranh đất ông Trần Văn Sai	Kênh Cựa Gà Bảy Báo (Hết ranh đất bà Sáu Chuông)	1.2
185	nt	Ranh đất ông Huỳnh Việt Hùng	Hết ranh đất ông Trần Văn Sai	1.2
186	Kênh Coi 5 - Hòn Đá Bạc (Bờ Nam) (Tên cũ: Kênh Coi 5)	Đầu Kênh Coi 5	Đầu kênh Tám Kênh	1.2
187	Kênh Coi 5 - Hòn Đá Bạc (Bờ Nam) (Tên cũ: Kênh Coi 5)	Đầu kênh Tám Kênh	Cầu Kênh Đứng (nhà ông Tư Guơng) (Tên cũ: Hết ranh đất Trường THPT Võ Thị Hồng)	1.0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
188	nt	Cầu Kênh Đứng	Cầu Kênh Ngang (Phía lộ nhựa) (Tên cũ: Cầu Kênh Ngang)	1.0
189	nt	Cầu Kênh Ngang	Ranh đất ông Mã Khánh Lũy (phía dưới sông) (Tên cũ: Hết ranh đất ông Mã Khánh Lũy)	1.0
190	nt	Ranh đất ông Mã Khánh Lũy (phía dưới sông) (Tên cũ: Ranh đất ông Mã Khánh Lũy)	Hết ranh đất ông Lê Tấn Đạt	1.0
191	nt	Ranh đất ông Lê Tấn Đạt	Hết ranh đất ông Phạm Văn Xuyên	1.2
192	Kênh Cơi 5 - Hòn Đá Bạc (Bờ Nam) (Tên cũ: Tuyến lộ UBND xã - Hòn Đá Bạc (Bờ Nam))	Ranh đất ông Phạm Văn Xuyên	Hết ranh đất bà Mười Thị	1.2
193	Kênh Cơi 5 - Hòn Đá Bạc (Bờ Nam) (Tên cũ: Tuyến lộ UBND xã - Hòn Đá Bạc (Bờ Nam))	Ranh đất ông Trần Minh Hoàng	Nhà Tư Gương (Cầu Kênh Đứng) (Tên cũ: Cầu nhà Tư Gương (Hướng Đông))	1.0
194	Tuyến lộ Kênh Cơi 5 - UBND xã Khánh Bình Tây	Ranh đất ông Lâm Minh Lý	Cầu Tư Gương	1.2
195	Tuyến UBND Khánh Bình Tây - xã Khánh Hải (Bờ Đông) (Tên cũ: Tuyến lộ Kênh Cơi 5 - UBND xã Khánh Bình Tây)	Cầu nhà ông Trần Minh Hoàng	Hết ranh đất ông Lê Văn Quý	1.2
196	Tuyến UBND Khánh Bình Tây - xã Khánh Hải (Bờ Tây) (Tên cũ: Tuyến lộ Kênh Cơi 5 - UBND xã Khánh Bình Tây)	Nhà máy chà ông Lũy	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Điệp	1.2
197	Tuyến kênh cựa gà 402 (Bờ Tây) (Tên cũ: Tuyến lộ Kênh Cơi 5 - UBND xã Khánh Bình Tây)	Cầu Nông Trường	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây Bắc	1.2

STT	Đường, lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
198	 Đường, lộ, khu vực Tuyến UBND Khánh Bình Tây - xã Khánh Hải (Bờ Tây) (Tên cũ: UBND xã - ấp Kênh Tám)	Ranh đất ông Phạm Hải Đăng	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Thơm	1.0
199	Kênh Cơi 4	Cầu Cơi 4	Hết ranh đất ông Út On	1.2
200	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Nam	Lô 20N	1.0
201	nt	Bờ Nam	Lô 20K	1.0
202	nt	Bờ Nam	Lô 22A	1.0
203	nt	Bờ Nam	Lô 20L	1.0
204	nt	Bờ Nam	Lô 20M	1.0
205	nt	Bờ Nam	Lô 20 F	1.0
206	nt	Bờ Nam	Lô 20E	1.0
207	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Nam	Lô 23C	1.0
208	nt	Bờ Nam	Lô 23D	1.0
209	nt	Bờ Bắc	Lô 20D	1.0
210	nt	Bờ Bắc	Lô 22L	1.0
211	nt	Bờ Bắc	Lô 20B	1.0
212	nt	Bờ Bắc	Lô 23A	1.0
213	nt	Bờ Bắc	Lô 20A	1.0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
214	nt	Bờ Bắc	Lô 22M	1.0
215	nt	Bờ Bắc	Lô 20N	1.2
216	nt	Bờ Bắc	Lô 23B	1.2
217	nt	Bờ Bắc	Lô 22N	1.2
218	Kênh Tám Khện (Tên cũ: Kênh Tám Khện)	Kênh Tám Khện (Bờ Đông)	Giáp ranh xã Khánh Hưng	1.2
219	nt	Kênh Tám Khện (Bờ Tây) (Tên cũ: Kênh Tám Khện (Bờ Tây))	Giáp ranh xã Khánh Hưng	1.2
220	Tuyến trong đê Quốc Phòng	Cống kênh Mới	Hết ranh đất ông Lê Minh Hùng	1.2
221	nt	Đất bà Trần Thị Tám	Hết ranh đất ông Đoàn Văn Mừng	1.2
222	Kênh Cơi 6A + Cơi 6B	Từ cầu Co Xáng	Hết ranh đất Nhà ông Kiệt (Nông trường 402)	1.2
223	Tuyến đầu Kênh Cơi 5 (Tên cũ: Kênh Cơi 5)	Cầu Cơi 5	Cầu Cơi 4	1.2
224	Tuyến đầu Kênh Cơi 5 (Tên cũ: Tuyến đầu Cơi 5)	Cầu Cơi 5	Cầu Cơi 6	1.2
225	Tuyến UBND Khánh Bình Tây - xã Khánh Hải (Bờ Đông) (Tên cũ: Tuyến đầu Cơi 5)	Ranh đất ông Lê Văn Quý	Hết ranh đất ông Nguyễn Bình An	1.2
226	Tuyến kênh Tám	Cầu Đê Biên Tây (Nhà ông Việt)	Hết ranh đất ông Nghiệu	1.2
227	Tuyến kênh Thống Nhất ấp Thời Hưng (Tên cũ: Tuyến kênh Thống Nhất)	Ranh đất ông Nghiệu	Hết ranh đất ông Trường	1.2

STTT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
228	Tuyến kênh Mới	Ranh đất ông Minh	Công kênh Mới Đê Biên Tây	1.2
229	Tuyến UBND Khánh Bình Tây - xã Khánh Hải (Bờ Tây) (Tên cũ: Tuyến kênh Ngang đi Chính Bộ ấp Đá Bạc)	Ranh đất ông Nguyễn Văn Đáng (Tên cũ: Ranh đất ông Đáng)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Dũng	1.2
230	Tuyến kênh Tám	Ranh đất ông Nguyễn Văn Hoa	Hết ranh đất Phạm Trung Kiên	1.2
231	Tuyến kênh Cựa Gà ấp Đá Bạc B (Bờ Đông)	Ranh đất ông Phạm Chí Tâm	Giáp xã Khánh Bình Tây Bắc	1.2
232	Tuyến kênh Cựa Gà ấp Đá Bạc B (Bờ Tây)	Ranh đất ông Đặng Văn Hùng	Giáp xã Khánh Bình Tây Bắc (Nhà ông Trung) (2 bên)	1.2
233	Tuyến kênh Cựa Gà ấp Đá Bạc B	Đất bà Đoàn Kim Chuông (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Nho	1.2
234	Tuyến kênh Ông Lão	Đất ông Nguyễn Văn Chên (Tên cũ: Đất ông Nguyễn Văn Chên)	Hết ranh đất ông Lý Hồng Ân	1.2
235	Tuyến kênh Tám	Đất ông Đoàn Văn Yên	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nhiệm	1.2
236	nt	Đất ông Trương Văn Đứng	Hết ranh đất bà Trương Thị Nhật	1.2
237	nt	Đất ông Lê Văn Ty	Hết ranh đất trụ sở ấp Thời Hưng	1.2
238	Tuyến kênh Công Điền (Tên cũ: Tuyến kênh Tám)	Đất ông Phạm Văn Đạt (Bờ Tây) (Tên cũ: Đất ông Phạm Văn Miên (Bờ Tây))	Giáp ranh xã Khánh Hải (Tên cũ: Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Hành)	1.2
239	Tuyến kênh Hậu	Đất ông Lê Văn O	Hết ranh đất bà Trần Thị Tuyết	1.2
240	Tuyến kênh Hai Quờn (Tên cũ: Tuyến kênh Hai Hường)	Từ ranh đất bà Lê Thị Thơm	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Mừng	1.2
241	Tuyến kênh Thống Nhất ấp Thới Hưng	Từ ranh đất ông Trần Văn Cánh	Hết ranh đất ông Trần Văn Hùng	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
242	Kênh Cơi 4 (Tên cũ: Tuyến kênh Cơi 4)	Từ ranh đất bà Huỳnh Thị Hoa (Tên cũ: Từ ranh đất bà Nguyễn Thị Hoa)	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Đèo	1.2
243	Tuyến lộ mới mở Khánh Bình Tây đi xã Khánh Bình Tây Bắc	Từ nhà ông Nguyễn Thành Nhân	Hết phần đất ông Mai Thanh Bạch	1.2
244	Tuyến lộ cứu nạn, cứu hộ đi Hòn Đá Bạc	Từ đất ông Phạm Toàn thắng ấp Đá Bạc	Hết đất ông Trần Văn Sai ấp Kinh Hòn Bắc	1.2
Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m				1.2
<b>6. Xã Khánh Lộc</b>				
245	Tuyến lộ nhựa Sông Đốc - thị trấn Trần Văn Thời	Cầu Rạch Ruộng A (Hướng Đông)	Hết ranh đất ông Tư Hùng	1.3
246	nt	Hết ranh đất ông Tư Hùng	Giáp thị trấn Trần Văn Thời	1.2
247	nt	Cầu Rạch Ruộng (Hướng Tây)	Đầu cống Suối Mênh (Nhập tuyến)	1.2
248	nt	Đầu cống Suối Mênh	Giáp xã Khánh Hưng	1.0
249	Tuyến vào kênh 6 Thước Lớn	Đầu cống kênh Sáu Thước Lớn (Bờ Tây)	Hết ranh đất Trường tiểu học 2 (Điểm Sáu Thước)	1.0
250	nt	Hết ranh đất Trường tiểu học 2 (Điểm Sáu Thước)	Hết ranh đất ông Đỗ Văn Thiện	1.0
251	nt	Đầu cống kênh Sáu Thước Lớn (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Hồ Văn Thu	1.2
252	Tuyến vào Rạch Ruộng A	Ranh đất bà Út Quý (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Phan Văn Hùm	1.0
253	nt	Hết ranh đất ông Phan Văn Hùm	Hết ranh đất ông Tám Tài	1.0
254	nt	Ranh đất bà Nhiễn (Bờ Đông)	Hết ranh đất Chùa Nhẫn Hòa	1.2


	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K) (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
255	nt	Hết ranh đất Chùa Nhãn Hòa	Hết ranh đất ông Sáu Mum	1.2
256	Tuyến vào Rạch Ruộng A	Ranh đất ông Kiên	Hết ranh đất bà Sáu Nhỏ	1.0
257	Tuyến lộ vào ấp Độc Lập	Ranh đất ông Út Miên (Bờ Đông)	Giáp kênh Vườn Giữa	1.0
258	nt	Ranh đất ông Dân (Bờ Tây)	Giáp Kênh Ngang	1.0
259	Tuyến lộ vào kênh Cống Đá	Ngã ba Cống Đá (Trạm y tế) bờ Đông	Hết ranh đất ông Út Kiệt	1.0
260	nt	Ngã ba Cống Đá (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cường	1.0
261	Tuyến vào kênh Trảng Cò	Đầu vàm Trảng Cò (Bờ Tây)	Cuối kênh Trảng Cò hết đất ông Mãi	1.2
262	nt	Đầu vàm Trảng Cò (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Trần Văn Khởi	1.2
263	Tuyến dọc theo kênh Số 2	Đầu kênh Suối Mênh (Dọc theo kênh số 2) bờ Tây	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Út	1.0
264	nt	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Út	Hết ranh đất ông Hai Mẹo	1.0
265	nt	Đầu kênh Suối Mênh (Dọc theo kênh số 2) bờ Đông	Hết ranh đất ông Hoàng	1.0
266	nt	Đầu cống kênh Tư (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Tám Thê	1.2
267	Tuyến dọc theo kênh Tư	Đầu cống kênh Tư (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Tư Minh	1.0
268	Tuyến kênh Mới	Ranh đất ông Trần Văn Dây	Cuối kênh Mới	1.0
269	Kênh Đòn Dong	Trường Tiểu học 2	Cuối kênh Đòn Dong	1.0
270	Tuyến kênh Cây Ôi	Ranh đất ông Huỳnh (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Tám Em	1.0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
271	Tuyến kênh Cây Ôi	Hết ranh đất ông Kiệt (Bờ Đông)	Hết ranh đất bà Phụng	1.2
272	Kênh Ngang	Ranh đất ông Ba Phiên	Hết ranh Nghĩa trang Ba Cô	1.0
273	nt	Ranh đất ông Tám Định	Hết ranh đất ông Hiệp	1.2
274	Tuyến kênh Sáu Thước Cùn	Từ ranh đất ông Cao Văn Phong	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thúc	1.2
275	Tuyến kênh Bảy Xăng	Từ ranh đất ông Dương Quang Tuấn (Bờ Nam)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Đồi	1.0
276	Tuyến kênh số 2	Từ ranh đất ông Huỳnh Văn Cường (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Lạc	1.0
277	Tuyến kênh 5 Danh	Từ ranh đất ông Dương Quang Chiến	Hết ranh đất ông Bùi Văn Bình	1.0
	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m			1.0
<b>7. Xã Khánh Hưng</b>				
278	Trung tâm xã	Ngã ba Nhà Máy, hướng Nam (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Lê Trung Tính	1.2
279	nt	Ranh đất ông Lê Trung Tính	Hết ranh đất ông Lê Văn Đoàn	1.2
280	nt	Từ đầu cầu bên chợ (Hướng Tây)	Hết ranh đất trường THPT	1.2
281	nt	Hết ranh đất trường THPT	Hết ranh đất ông Phạm Hùng Văn	1.2
282	nt	Ranh đất ông Phạm Hùng Văn	Đầu kênh Dân Quân	1.2
283	nt	Đầu kênh Dân Quân	Giáp xã Khánh Hải	1.2
284	nt	Hết ranh đất ông Trần Thị Định	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Tùng	1.2
285	nt	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Tùng	Đầu kênh Dân Quân	1.2



	Đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
286	nt	Đầu kênh Dân Quân	Giáp ranh xã Khánh Hải	1.2
287	nt	Đầu cầu bên chợ (Hướng Đông)	Hết ranh đất ông Lê Văn Quới	1.2
288	nt	Trạm y tế xã (Hướng Đông)	Hết ranh đất ông Đặng Văn Đường	1.2
289	nt	Đầu kênh Quang Sơn	Ngã tư Miếu Ông Tà (Bờ Đông)	1.2
290	nt	Đầu kênh Quang Sơn	Ngã tư miếu Ông Tà (Bờ Tây)	1.2
291	Ngã ba Kênh Đứng	Đầu Kênh Đứng (Hướng Tây)	Hết ranh đất ông Lê Văn Quới	1.2
292	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Bầu (Bình Minh II)	Hết ranh đất ông Đặng Văn Đường	1.2
293	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Bầu	Hết ranh đất ông Trần Văn Bé	1.2
294	nt	Hết ranh đất ông Trần Văn Bé	Giáp ranh xã Trần Hợi	1.2
295	nt	Ngã ba Kênh Đứng (Hướng Bắc)	Coi 3	1.2
296	nt	Đầu kênh Cơi Nhì bờ Nam	Giáp ranh xã Khánh Hải	1.2
297	nt	Đầu kênh Cơi Nhì bờ Bắc	Giáp ranh xã Khánh Hải	1.2
298	nt	Đầu kênh Cơi 3 bờ Nam	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây	1.2
299	nt	Đầu kênh Cơi 3 bờ Bắc	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây	1.2
300	nt	Đầu kênh Cơi Tư (Bờ Nam)	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây	1.2
301	Lộ dọc kênh Công Nghiệp (Bờ Đông)	Đầu cầu Công Nghiệp (Bờ Đông hướng Bắc)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Đình	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
302	nt	Hết ranh đất ông Phạm Văn Dinh	Hết ranh đất ông Võ Văn Thạnh (Võ Văn Thạch)	1.2
303	nt	Cầu chữ Y (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Võ Văn Thạnh (Võ Văn Thạch)	1.2
304	nt	Cầu chữ Y (Hướng đông bờ Nam)	Hết ranh đất ông Lê Huỳnh Bé (Trần Văn Bé)	1.2
305	nt	Hết ranh đất ông Lê Huỳnh Bé	Hết ranh đất bà Phạm Thị Hà	1.2
306	nt	Hết ranh đất bà Phạm Thị Hà	Giáp ranh xã Khánh Lộc	1.2
307	Lộ dọc kênh Công Nghiệp (Bờ Tây)	Đầu cầu công nghiệp (Bờ Tây hướng Bắc)	Hết ranh đất ông Võ Văn Thành	1.2
308	nt	Ranh đất ông Võ Văn Thành	Hết ranh đất ông Lê Trường Hận (Lê Văn Hận)	1.2
309	Lộ dọc kênh Công Nghiệp (Bờ Tây)	Cầu Chữ Y (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Lê Trường Hận (Lê Văn Hận)	1.2
310	nt	Cầu Chữ Y (Bờ Bắc)	Ngã ba Năm Trĩ	1.2
311	nt	Cầu Chữ Y (Bờ Nam)	Ngã ba Năm Trĩ	1.2
312	Lộ từ cầu Chữ Y đến Trung tâm xã	Cầu Chữ Y (Hướng Đông)	Ngã ba về hướng UBND xã Khánh Hưng (Bờ Bắc)	1.2
313	nt	Ngã ba kênh Ngang (Bờ Tây)	Hết ranh đất trường cấp II	1.2
314	nt	Ranh đất trường cấp II	Hết ranh đất ông Đoàn Văn Công	1.2
315	nt	Hết ranh đất ông Đoàn Văn Công	Hết ranh nhà bia ghi danh liệt sỹ	1.2
316	nt	Hết ranh nhà bia ghi danh liệt sỹ	Hết ranh đất ông Trần Thị Định	1.2
317	Trung tâm cầu Chữ Y	Ranh đất ông Phạm Văn Đoàn	Hết ranh đất ông Dương Thanh Xuân (Bờ Bắc)	1.2



	Đường, tuyên lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
318	nt	Hết ranh đất ông Dương Thanh Xuân	Giáp ranh xã Khánh Lộc	1.2
319	nt	Ngã tư Nghĩa trang Ba Cô	Đầu kênh Hai Cái (2 bờ)	1.2
320	nt	Đầu kênh Bà Xum	Kênh Hai Cái (2 bờ)	1.2
321	Công Nghiệp A	Đầu kênh cua Le Le (2 bờ)	Ngã ba Năm Trì	1.2
322	Vàm Cống Đá	Đầu vàm Cống Đá (Lộ xe, hướng Đông)	Hết ranh đất ông Lê Văn Danh	1.2
323	nt	Đầu vàm Cống Đá (Hướng Bắc)	Hết ranh đất ông Thái Minh Trí (Bờ Đông)	1.2
324	nt	Hết ranh đất ông Thái Minh Trí (Bờ Đông)	Ngã tư Út Cùi	1.2
325	nt	Vàm Cống Đá	Hết ranh đất bà Dương Thị Phê (Bờ Tây)	1.2
326	nt	Hết ranh đất bà Dương Thị Phê (Bờ Tây)	Ngã tư Út Cùi	1.2
327	nt	Ranh đất ông Lê Văn Danh	Hết ranh đất ông Trần Anh Phái	1.2
328	Vàm Cống Đá	Ngã tư Út Cùi (Bờ Đông)	Ngã tư Miếu Ông Tà	1.2
329	nt	Ngã tư Út Cùi (Bờ Tây)	Ngã tư Miếu Ông Tà	1.2
330	nt	Ngã tư Út Cùi (Bờ Bắc)	Giáp áp Rạch Lùm C	1.2
331	Áp kênh Hăng C	Đầu vàm cống kênh Hăng C (Hướng Bắc)	Hết ranh đất bà Lê Thị Nhiên (Bờ Đông)	1.2
332	nt	Ranh đất bà Lê Thị Nhiên (Bờ Đông)	Giáp áp kênh Hăng B	1.2
333	nt	Đầu vàm cống kênh Hăng C (Hướng Bắc)	Hết ranh đất bà Nguyễn Kim Hoa (Bờ Tây)	1.2
334	nt	Hết ranh đất bà Nguyễn Kim Hoa (Bờ Tây)	Giáp áp kênh Hăng B	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
335	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Ranh đất xã Khánh Hải	Cầu Rạch Lùm A	1.2
336	nt	Cầu Rạch Lùm	Giáp áp kênh Hăng C	1.2
337	nt	Giáp áp kênh Hăng C	Cống kênh Hăng C	1.2
338	nt	Cống kênh Hăng C	Giáp ranh đất áp Công Nghiệp A	1.2
339	nt	Giáp ranh đất áp Công Nghiệp A	Cầu Công Nghiệp	1.2
340	nt	Cầu Công Nghiệp A	Giáp xã Khánh Lộc	1.2
341	Vàm Rạch Lùm	Cầu Vàm Rạch Lùm (Hướng Bắc)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hòa (Bờ Đông)	1.2
342	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hòa (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Đặng Văn Danh	1.2
343	nt	Hết ranh đất ông Đặng Văn Danh	Giáp ranh xã Khánh Hải	1.2
344	nt	Cầu Rạch Lùm (Hướng Bắc)	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Em (Bờ Tây)	1.2
345	nt	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Em	Hết ranh đất ông Nguyễn Bá Xuân	1.2
346	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Bá Xuân	Giáp ranh xã Khánh Hải	1.2
347	Vàm Rạch Lùm	Đầu kênh Hiệp Hòa Bờ Đông	Giáp ranh xã Khánh Hải	1.2
348	nt	Đầu kênh Hiệp Hòa Bờ Tây	Giáp ranh xã Khánh Hải	1.2
349	Kênh Hăng B	Đầu kênh Xóm Miên (2 bờ)	Giáp ranh ấp Rạch Lùm C	1.2
350	Kênh Hăng B	Đầu kênh Sáu U (2 bờ)	Ngã tư miếu Ông Tà	1.2
351	nt	Ngã ba Năm Tri (Hướng Bắc)	Giáp ranh ấp Nhà Máy A (Bờ Đông)	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
352	nt	Ngã ba Năm Trì (Hướng Bắc)	Giáp ranh ấp Nhà Máy A (Bờ Tây)	1.2
Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m				1.2
<b>8. Xã Khánh Hải</b>				
353	Khu trung tâm xã	UBND xã về hướng Đông	Hết ranh đất Trường Trung học cơ sở	1.0
354	nt	Ngã tư Trùm Thuật (Bờ Nam)	Ngã ba Kênh Giữa	1.2
355	nt	Trường Tiểu học 1	Kênh Bảy Ghe 500m (Bờ Bắc)	1.2
356	nt	Trường Tiểu học 1	Kênh Bảy Ghe 500m - Bờ Nam	1.2
357	Lộ ô tô trung tâm xã khu di tích Bác Ba Phi	UBND xã	Khu di tích Bác Ba Phi (Hết ranh đất ông Hận)	1.2
358	nt	Ranh đất ông Trương Văn Pha	Hết ranh đất bà Trương Thị Tươi	1.2
359	nt	Ranh đất ông Hồ Văn Chiêu	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Anh	1.0
360	Lộ dọc kênh Lung Tràm	Tuyến kênh Lung Tràm (Bờ Nam)		1.2
361	nt	Tuyến kênh Trung Tâm (Bờ Tây)		1.2
362	Khu Chợ Mới	Chợ Mới về các hướng 400m (Riêng hướng Đông hết ranh đất ông Hai Nguyên)		1.2
363	Vàm kênh Mới	Vàm kênh Mới (Về hướng Đông)	Giáp ranh đất ông Phan Ngọc Hoàng	1.2
364	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Giáp ranh xã Khánh Hưng	Cống kênh Giữa	1.2
365	nt	Cống kênh Giữa	Hết ranh đất ông Năm Hòa	1.2
366	nt	Hết ranh đất ông Năm Hòa	Cống Trùm Thuật	1.2

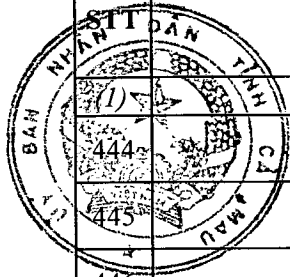
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
367	nt	Cổng Trùm Thuật	Giáp ranh thị trấn Sông Đốc	1.2
368	Lộ ô tô về Trung tâm xã Khánh Hải	Cổng Trùm Thuật	Hết ranh đất ông Trần Thế Vinh	1.2
369	nt	Hết ranh đất ông Trần Thế Vinh	Hết ranh đất ông Lâm Xuân Thành	1.2
370	nt	Hết ranh đất ông Lâm Xuân Thành	Hết ranh đất ông Lương Văn Phúc	1.2
371	nt	Hết ranh đất ông Lương Văn Phúc	Ngã tư kênh Trùm Thuật	1.2
372	Ngã tư Trùm Thuật	Ngã tư Trùm Thuật (Bờ Bắc)	Kênh Bờ Tre 300m (Bờ Đông)	1.2
373	Tuyến kênh Bờ Tre	Hết đoạn 300m kênh Bờ Tre (Bờ Đông)	Về hướng Bắc hết kênh Bờ Tre (Ranh đất ông Hồ Quốc Cường)	1.2
374	Ngã tư Trùm Thuật	Ngã tư Trùm Thuật (Bờ Bắc)	Kênh Bờ Tre 300m Bờ Tây	1.2
375	nt	Ngã tư Trùm Thuật (Bờ Tây)	Về hướng Nam 300m	1.2
376	Tuyến kênh Trùm Thuật (Bờ Tây)	Hết đoạn 300m (Bờ Tây ngã tư Trùm Thuật)	Tuyến lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	1.2
377	Lộ dọc kênh Ranh (Bờ Đông)	Hành lang lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Về hướng Bắc 500m	1.2
378	nt	Hết đoạn 500m	Hết kênh Ranh	1.2
379	Lộ dọc kênh Rạch Lùm	Giáp xã Khánh Hưng	Đến giáp đoạn 300m (Ngã tư Chủ Mía), bờ Tây	1.2
380	nt	Ngã tư Chủ Mía (Bờ Tây)	Về các hướng 300m	1.2
381	nt	Hết đoạn 200m (Ngã tư Chín Bộ)	Đến giáp đoạn 300m (Ngã tư Chủ Mía), bờ Tây	1.2
382	Ngã tư Chín Bộ	Ngã tư Chín Bộ	Về các hướng 200m	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
383	Ngã tư Chủ Mía	Ngã tư Chủ Mía (Bờ Đông)	Về các hướng (Nam, Bắc) 300m	1.2
384	*Kênh Chủ Mía (Về hướng Tây)	Từ hết đoạn 300m	Hết kênh Chủ Mía (Bờ Nam)	1.2
385	Khu Làng Cá	Làng Cá kênh Tư	Hết khu đất Làng Cá kênh Tư (2 bên)	1.2
386	Vàm Bảy Ghe	Công Bảy Ghe	Về hướng Đông 300m (2 bên)	1.2
387	Kênh Bảy Ghe (Bờ Bắc)	Hết đoạn 500m (Trường Tiểu học 1 đi về kênh Bảy Ghe 500m)	Hết đoạn 300m (Vàm Bảy Ghe về hướng Đông 300m)	1.2
388	Kênh Mới (Bờ Nam)	Kênh Tư Từu	Giáp ranh đất ông Hai Nguyên	1.2
389	Tuyến kênh Cây Sộp	Ranh đất ông Hồ Quốc Khánh	Hết kênh Cây Sộp	1.2
390	Tuyến kênh Ngang	Ranh đất ông Lê Quốc Tiến	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn To	1.2
	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m			1.2
<b>9. Xã Lợi An</b>				
391	Trung tâm xã	Cầu Vàm về hướng Đông (Trong đê)	Hết ranh đất Trịnh Hồng Hoa	1.2
392	nt	Đầu Vàm ông Tư về hướng Đông (Ngoài đê)	Hết đất liền (Theo Bờ kè)	1.2
393	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Hội	Kênh xáng Lương Thế Trân	1.0
394	nt	Hết ranh đất Trịnh Hồng Hoa (Trong đê)	Hết ranh đất ông Cao Văn Trung	1.2
395	nt	Hết ranh đất ông Cao Văn Trung	Hết ranh đất ông Nguyễn Minh Hội	1.2
396	nt	Cầu lớn Vàm Ông Tư	Kênh Biện Đê (Hết đất ông Nguyễn Minh Hòa)	1.2
397	nt	Hết ranh đất ông Cao Hoàng Định	Hết ranh đất ông Lê Minh Quang	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
398	nt	Cầu vàm về hướng Tây (Ngoài đê)	Hết ranh đất bà Lê Thị Sang	1.2
399	nt	Cầu vàm về hướng Tây (Trong đê)	Cầu Phát Thạnh	1.0
400	Trung tâm xã	Đất ông Lê Hữu Phước (Mép hướng Nam lộ nhựa)	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Lụa	1.2
401	nt	Đất ông Lê Phước Hữu (Mép hướng Bắc, lộ nhựa)	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Lụa	1.2
402	nt	Cầu mới Vàm Ông Tự (Đi hướng sông Ông Đốc)	Giáp lộ đê bê tông 3m (Hai bên)	1.2
403	Ngã ba Tắc Thủ	Trụ đèn giao thông về hướng Cà Mau	Hết ranh đất bà Văn Thị Hồng Tím	1.2
404	nt	Hết ranh đất bà Văn Thị Hồng Tím	Giáp ranh thành phố Cà Mau	1.2
405	nt	Ngã ba trụ đèn về hướng Sông Đốc (Ngoài đê)	Đến hết khu quy hoạch cụm dân cư	1.0
406	nt	Đầu đê sông Tắc Thủ (Nhà ông Khiêm)	Kênh xáng Lương Thế Trân (Trong đê)	1.2
407	nt	Hết khu quy hoạch cụm dân cư	Kênh xáng Lương Thế Trân (Ngoài đê)	1.2
408	KX Lương Thế Trân	Đầu vàm kênh xáng (Bờ Đông)	Giáp ranh thành phố Cà Mau	1.0
409	nt	Đầu vàm kênh xáng (Bờ Tây)	Giáp ranh huyện Cái Nước	1.2
410	Tuyến Lộ về Trung tâm xã (Ngoài đê)	Ranh đất Lê Thị Sang	Giáp ranh Nghĩa Trang Liệt sĩ huyện (Ngoài đê)	1.2
411	nt	Giáp ranh Nghĩa trang Liệt sĩ huyện (Ngoài đê)	Vàm Rạch Lãng	1.2
412	nt	Vàm Rạch Lãng	Giáp ranh xã Phong Lạc	1.2
413	nt	Cầu Phát Thạnh	Giáp ranh Nghĩa trang Liệt sĩ huyện (Trong đê)	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
414	nt	Hết ranh Nghĩa trang Liệt sỹ huyện (Trong đê)	Giáp Vàm Rạch Lãng	1.2
415	nt	Vàm Rạch Lãng	Giáp ranh xã Phong Lạc (Trong đê)	1.2
416	Tuyến mé sông Rạch Ráng	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Năm	Giáp ranh Nghĩa trang Liệt sỹ huyện	1.2
417	nt	Hết ranh Nghĩa trang Liệt sỹ huyện	Giáp Cầu Treo Rạch Ráng	1.2
418	Tuyến mé sông Rạch Ráng	Cầu Treo Rạch Ráng	Vàm Rạch Lãng	1.2
419	Tuyến lộ đi Quốc Lộ 1A	Cầu Bến phà (Hướng đi Quốc Lộ 1A, bờ Nam)	Cầu Rạch Lãng	1.0
420	nt	Cầu Rạch Lãng (Hướng đi Quốc Lộ 1A, bờ Nam)	Giáp ranh xã Hưng Mỹ	1.2
421	nt	Cầu Bến phà (Hướng đi Quốc Lộ 1A, bờ Bắc)	Giáp ranh xã Hưng Mỹ	1.2
422	Tuyến đê Tắc Thủ - Phường 8	Đầu đê giáp khu quy hoạch cụm dân cư	Giáp Phường 8 – TP Cà Mau	1.2
Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m				1.2
<b>10. Xã Phong Lạc</b>				
423	Lộ Phong Lạc - Phong Điền (Trong đê)	Giáp xã Lợi An	Cầu Rạch Bần	1.2
424	nt	Cầu Rạch Bần (Nhà ông Trương Tấn Đạt)	Cầu kênh Chồng Mỹ - Giáp ranh xã Phong Điền (Nhà ông Phan Văn Thảo)	1.2
425	nt	Giáp xã Lợi An	Hết ranh đất Trường THCS Phong Lạc	1.2
426	nt	Đất Trường THCS Phong Lạc	Hết ranh đất ông Tô Văn Tal (Cầu Rạch Bần)	1.2
427	nt	Cầu Rạch Bần (Ranh đất ông Trần Văn Hon)	Hết ranh đất ông Phạm Ngọc Mừng	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
428	nt	Hết ranh đất ông Trương Tấn Phát	Hết ranh đất ông Ngô Văn Tây (Giáp xã Phong Điền)	1.2
429	Áp Công Bình	Ranh đất ông Phan Văn Ân	Hết ranh đất ông Tạ Văn Trận	1.2
430	nt	Ranh đất ông Thái Văn Chuẩn	Hết ranh đất ông Trần Văn Kén	1.2
431	nt	Ranh đất bà Tống Thị Niên	Hết ranh đất ông Phan Văn Miên	1.2
432	nt	Ranh đất ông Trần Văn Kén	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Mộng	1.2
433	nt	Đầu kênh Công Bình (Nhà ông Tạ Văn Trận)	Cuối kênh Công Bình (Đất ông Tạ Văn Trận)	1.2
434	Áp Công Bình	Ranh đất ông Nguyễn Văn Tùng	Hết ranh đất bà Tống Thị Niên	1.2
435	nt	Đầu kênh Chổng Mỹ (Nhà ông Phan Văn Thảo)	Cuối kênh Chổng Mỹ (Đất ông Phan Văn Miên)	1.2
436	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Lãng	Hết ranh đất ông Dương Hương Cảng	1.2
437	nt	Ranh đất ông Trần Việt Quốc	Hết ranh đất ông Phan Văn Đạo	1.2
438	nt	Ranh đất ông Hà Văn Bò	Hết ranh đất ông Dương Hương Cảng	1.2
439	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Mộng	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Trung	1.2
440	nt	Ranh đất ông Mai Văn Kháng	Hết ranh đất bà Thái Thị Diệp	1.2
441	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Thiểu	Hết ranh đất ông Mai Văn Thuận	1.2
442	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Đô	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tăng	1.2
443	Áp Rạch Bần	Cầu Gạch Bần	Hết ranh đất ông Phan Văn Ngoán (Áp Gạch Bần)	1.2



	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
444	nt	Cầu Gạch Bàn	Hết ranh đất ông Tô Hùng	1.2
445	nt	Ranh đất ông Phan Văn Ngoán	Hết ranh đất ông Lâm Văn Khụng	1.2
446	nt	Hết ranh đất ông Lâm Văn Khụng	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Khoa	1.2
447	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Bé	Hết ranh đất ông Thái Văn Hùng	1.2
448	Áp Đất Cháy	Ranh đất ông Trương Văn Tấn	Hết ranh đất bà Trần Thị Tàn	1.2
449	nt	Ranh đất ông Ngô Mười Ba	Hết ranh đất ông Ngô Hoàng Thanh	1.2
450	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Kiên	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nho	1.2
451	nt	Ranh đất ông Đào Văn Hòa	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Khanh	1.2
452	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nho	Hết ranh đất ông Phan Văn Cảnh	1.2
453	Áp Đất Cháy	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Khanh	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Nhãn	1.2
454	Áp Tân Lập	Ranh đất ông Phan Hoàng Em	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tiềm	1.2
455	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tiềm	Hết ranh đất ông Dương Văn Hiểu	1.2
456	nt	Hết ranh đất ông Dương Văn Hiểu	Hết ranh đất ông Lê Phi Long	1.2
457	nt	Hết ranh đất ông Lê Phi Long	Hết ranh đất ông Võ Văn Nuôi	1.2
458	nt	Ranh đất ông Đào Văn Sĩ	Hết ranh đất ông Tô Văn Hường	1.2
459	nt	Ranh đất ông Tô Văn Tồn	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Dân	1.2
460	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Phương	Hết ranh đất bà Lý Thị Lan	1.2


STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
461	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Nhân	Hết ranh đất ông Ngô Văn Cường	1.2
462	nt	Hết ranh đất bà Lý Thị Lan	Hết ranh đất ông Mai Văn Nở	1.2
463	nt	Ranh đất ông Trần Văn Tuấn	Hết ranh đất bà Hồng Thị Út	1.2
464	nt	Ranh đất ông Ngô Văn Góp	Hết ranh đất ông Thạch Hai	1.2
465	nt	Ranh đất ông Ngô Văn Khởi	Hết ranh đất ông Trần Văn Sự	1.2
466	nt	Hết ranh đất ông Mai Văn Nở	Hết ranh đất ông Dương Văn Trân	1.2
467	nt	Hết ranh đất bà Hồng Thị Cúc	Hết ranh đất ông Trần Văn Đồng	1.2
468	nt	Ranh đất ông Trần Văn Út	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Dũng	1.2
469	Áp Lung Trường	Ranh đất ông Đỗ Thanh Bình	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Miên	1.2
470	nt	Ranh đất ông Hồ Việt Cường	Hết ranh đất ông Trần Văn Tiến	1.2
471	nt	Ranh đất ông Trần Văn Đua	Hết ranh đất bà Võ Thị Hương	1.2
472	Áp Lung Trường	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Miên	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nhật	1.2
473	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nhật	Hết ranh đất ông Huỳnh Thị Nho	1.2
474	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Võ	Hết ranh đất ông Trương Văn Trạng	1.2
475	nt	Ranh đất ông Trần Văn Đua	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Phát	1.2
476	nt	Hết ranh đất ông Trần Văn Tiến	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nghĩa	1.2
477	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Quân	Hết ranh đất ông Trần Văn Nào	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
478	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nghĩa	Hết ranh đất ông Trần Văn Nào	1.2
479	nt	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Phát	Hết ranh đất ông Nguyễn Trường Giang	1.2
480	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Võ	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Thu	1.2
481	Áp Lung Dông	Ranh đất ông Nguyễn Văn Biên	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Việt	1.2
482	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Việt	Hết ranh đất ông Trần Minh Diệu	1.2
483	nt	Ranh đất ông Thái Văn Nam	Hết ranh đất ông Thái Văn Tuấn	1.2
484	Áp Tân Lợi	Ranh đất ông Lê Bá Nghĩa (Đầu kênh Ba)	Hết ranh Trường Tiểu học Phong Lạc IV	1.2
485	nt	Trường Tiểu học Phong Lạc IV	Hết ranh đất ông Hà Văn Lọng	1.2
486	nt	Hết ranh đất ông Hà Văn Lọng	Cuối kênh Ba (Hết ranh đất bà Hồ Thị Liên)	1.2
487	nt	Ranh đất bà Đào Thị Bông (Đầu kênh Tư)	Hết ranh đất ông Dương Văn Hòa	1.2
488	nt	Hết ranh đất ông Dương Văn Hòa	Hết ranh đất ông Đặng Văn Đứng	1.2
489	nt	Hết ranh đất ông Đặng Văn Đứng	Cuối kênh Tư (Hết ranh đất ông Phạm Văn Hùng)	1.2
490	nt	Ranh đất ông Diệp Văn Sơn	Hết ranh đất ông Đỗ Thị Đàm	1.2
491	Áp Tân Lợi	Ranh đất ông Nguyễn Hồng Thanh	Hết ranh đất ông Trần Văn Tùng	1.2
492	nt	Ranh đất ông Trần Văn Thi	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Mười	1.2
493	nt	Ranh đất ông Bùi Văn Cảnh	Hết ranh đất ông Trần Văn Hớn	1.2

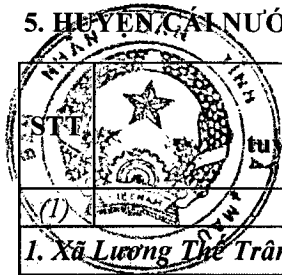
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
494	Áp Rạch Bần B	Ranh đất ông Trần Văn Hon	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Chiến	1.2
495	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Luận	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Bé	1.2
496	nt	Ranh đất ông Thái Văn Chuẩn	Hết ranh đất ông Lưu Văn Rọt	1.2
497	Áp Rạch Bần B	Hết ranh đất ông Lưu Văn Rọt	Hết ranh đất ông Võ Minh Luân	1.2
498	nt	Ranh đất ông Huỳnh Kha Ly	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Phong	1.2
499	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Phong	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tô	1.2
500	nt	Ranh đất ông Trần Văn Kiếm	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tung	1.2
501	nt	Ranh đất ông Thái Văn Ngộ	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Đại	1.2
502	nt	Ranh đất ông Thái Văn Thi (Miếu Thần Hoàng)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tiết	1.2
503	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tiết	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Bùi (Vàm Lung Dông)	1.2
504	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Đại	Hết ranh đất ông Trần Văn Vinh	1.2
505	nt	Ranh đất ông Thái Văn Thi	Hết ranh đất ông Nguyễn Hữu Hạnh	1.2
506	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Hữu Hạnh	Hết ranh đất bà Trần Thị Lợi	1.2
507	Áp Tân Bằng	Ranh đất ông Nguyễn Văn Đức	Hết ranh đất ông Đào Văn Tiến	1.2
508	nt	Ranh đất bà Trần Thị Bên	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Danh	1.2
509	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Khuyên	Hết ranh đất ông Phù Văn Đức	1.2

STT	Đường, tuyên lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
510	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Lý	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lam	1.2
511	nt	Ranh đất bà Nguyễn Thị Xua	Hết ranh đất bà Võ Thị Hết	1.2
512	nt	Ranh đất bà Sử Kim Dung	Hết ranh đất ông Đỗ Giải Phóng	1.2
513	Áp Tân Bằng	Ranh đất ông Mai Văn Đẹp	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Ngây	1.2
514	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Kiến	Hết ranh đất ông Trương Văn Be	1.2
515	Áp Tân Thành	Ranh đất bà Nguyễn Thị Lợi	Hết ranh đất ông Dương Văn Nhựt	1.2
516	nt	Ranh đất ông Trần Văn Dũng	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Thu	1.2
517	nt	Ranh đất ông Lê Văn Công	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Công	1.2
518	nt	Ranh đất ông Trần Văn Cảnh	Hết ranh đất ông Trần Văn Lương	1.2
519	nt	Ranh đất ông Trần Văn Thiện	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Mây	1.2
520	nt	Ranh đất ông Võ Văn Tòng	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Trừ	1.2
521	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Lực	Hết ranh đất ông Trần Văn Đô	1.2
522	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Đáng	Hết ranh đất ông Lâm Văn Tòng	1.2
523	nt	Hết ranh đất ông Dương Văn Nhựt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hon	1.2
524	Áp Rạch Bần B - Áp Công Bình	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Chiến	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Việt	1.2
Các tuyên lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m				1.2
<b>11. Xã Phong Điền</b>				

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
525	Tuyến trung tâm xã	UBND xã về hướng Đông	Hết ranh đất Trường Mầm non	1.2
526	nt	Nhà Bia ghi danh về hướng Nam	Hết ranh đất Hăng nước đá Trường Sơn 6	1.2
527	nt	Ranh đất ông Trần Văn Leo	Kênh Công Điền Giữa	1.2
528	Tuyến trung tâm xã	Ranh đất ông Phan Văn Kỳ	Hết ranh đất ông Lý Văn Duyên (Bờ Đông)	1.2
529	nt	Ranh đất ông Dương Văn Thành	Kênh Chống Mỹ	1.2
530	nt	Ranh đất ông Trần Văn Đắc	Hết ranh đất ông Trương Thanh Giang	1.2
531	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Đước	Giáp ranh xã Phong Lạc (Trong đê)	1.2
532	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Bình	Hết ranh đất ông Phan Văn Sơn	1.2
533	nt	Ranh đất ông Trần Văn Mật	Hết ranh đất ông Phan Văn Linh	1.2
534	nt	Ranh đất ông Trịnh Hữu Huy	Kênh Dầu Xây (Hết ranh đất ông Ngô Tấn Môn)	1.2
535	nt	Kênh Bảy Thanh	Kênh Lựu Đạn (Tuyến ven sông)	1.2
536	nt	Kênh Lựu Đạn	Kênh Dàn Xây (Tuyến ven sông)	1.2
537	nt	Kênh Dàn Xây	Hết ranh đất Nguyễn Văn Thu	1.2
538	Tuyến đê Trung Ương (Đê Tà)	Kênh xáng Bà Kẹo	Kênh Bảy Thanh (Giáp Thị trấn Sông Đốc)	1.2
539	Tuyến Rẫy mới - Mỹ Bình	Ranh đất ông Phan Út Chín	Hết ranh đất ông Trần Văn Nhiều	1.2
540	Tuyến Rạch Vinh	Cầu Đầu Sáu (Áp Mỹ Bình)	Hết ranh đất ông Nguyễn Như Ý	1.2
541	Tuyến lộ Trung tâm xã	Từ đầu lộ nhựa tiếp giáp Sông Đốc (Ranh đất ông Mười Đẹt)	Ngã 3 (Hướng về huyện)	1.2

STT	 Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K) (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
		Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m		1.2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2

5. HUYỆN CÁI NƯỚC



	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>1. Xã Lương Thế Trân</b>				
1	Lộ Cà Mau - Đầm Dơi	Quốc lộ 1A	Hết ranh đất Công ty cổ phần thực phẩm thủy sản Cà Mau	1.0
2	nt	Hết ranh đất Công ty cổ phần thực phẩm thủy sản Cà Mau	Đập Hai Thông	1.0
3	nt	Đập Hai Thông	Đập Ông Buồi	1.0
4	nt	Đập Ông Buồi	Bến phà Hoà Trung	1.1
5	Tuyến Đê Đông Cái Nước	Bến phà Hòa Trung	Cống Giải Phóng (Đê Đông)	1.0
6	Kênh Hai Mai	Lộ Cà Mau - Đầm Dơi	Ngã ba đường Gạo	1.0
7	nt	Ngã ba đường Gạo	Ngã ba Tư Kía	1.0
8	Kênh Cây Bóm	Ngã ba đường Gạo	Cầu Nhà Thờ Cây Bóm	1.2
9	Kênh Bào Kè	Quốc lộ 1A	Ngã Ba Láng	1.0
10	nt	Ngã Ba Láng	Cầu Tư Đức	1.4
11	nt	Cầu Tư Đức	Ngã Ba Út Đeo	1.3
12	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cầu Lương Thế Trân	Lộ quy hoạch khu công nghiệp	1.0
13	nt	Lộ quy hoạch khu công nghiệp	Cống Bà Bèo	1.0
14	nt	Cống Bà Bèo	Kinh Giữa	1.0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
15	Xã Lương Thế Trân	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1.0
<b>2. Xã Thạnh Phú</b>				
16	Lộ Lung lá Nhà Thê	Quốc lộ 1A	Giáp ranh trường mẫu giáo	1.0
17	nt	Giáp ranh trường mẫu giáo	Cầu Trần Quốc Toàn	1.0
18	Lộ Lung lá Nhà Thê	Cầu Trần Quốc Toàn	Hết ranh khu di tích Lung lá - Nhà Thê	1.0
19	Kênh xáng Lương Thế Trân	Quốc lộ 1A	Giáp ranh huyện Trần Văn Thời	1.0
20	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cầu Lương Thế Trân	Lộ quy hoạch khu công nghiệp	1.0
21	nt	Lộ quy hoạch khu công nghiệp	Cống Bà Bèo	1.0
22	nt	Cống Bà Bèo	Cống Cái Nhum	1.0
23	nt	Cống Cái Nhum	Cống Vịnh Gáo	1.0
24	nt	Cống Vịnh Gáo	Cống Nhà Phấn	1.0
25	nt	Cống Nhà Phấn	Cống Nhà Phấn + 300m	1.1
26	nt	Cống Nhà Phấn + 300m	Cầu Tân Đức	1.0
27	Xã Thạnh Phú (Lộ bê tông)	Quốc lộ 1A	Chùa Hưng Nhơn	1.2
28	nt	Phía sau trụ sở UBND xã Thạnh Phú (cũ) (Tên cũ: Phía sau UBND xã Thạnh Phú)		1.3
29	Lộ bê tông	Phía sau nhà lồng chợ xã Thạnh Phú	Giáp ranh đất ông Tám Vĩnh	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
30	Xã Thạnh Phú	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1.0
<b>3. Xã Phú Hưng</b>				
31	Chợ Đức An	Quốc lộ 1A	Cầu 6 Hiệp	1.0
32	Khu Dân cư ấp Cái Rắn A	Hết khu		1.2
33	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cầu Tân Đức	Cây xăng Phú Hưng (Tên cũ: Cách cầu Cái Rắn: 200m)	1.0
34	nt	Cây xăng Phú Hưng (Tên cũ: Cách cầu Cái Rắn: 200m)	Hết ranh trường cấp III Phú Hưng	1.0
35	nt	Hết trường cấp III Phú Hưng	Lộ liên huyện về Trần Văn Thời	1.0
36	Đối diện lộ liên huyện về Trần Văn Thời	Quốc lộ 1A	Giáp ranh Trần Văn Thời	1.0
37	Đường ô tô về xã Tân Hưng	Quốc lộ 1A	Cầu Đức An + 300m	1.0
38	nt	Cầu Đức An + 300m	Ranh xã Tân Hưng	1.0
39	Lộ nhà thờ Cái Rắn	Quốc lộ 1A	Nhà thờ Cái Rắn	1.0
40	Xã Phú Hưng	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1.0
<b>4. Xã Hưng Mỹ</b>				
41	Khu chợ Rau Dừa cũ	Khu chợ phía Bắc (Chợ Rau Dừa cũ)	Hết khu	1.0
42	Khu chợ Rau Dừa	Khu chợ phía Nam	Hết Khu	1.0
43	Khu dân cư	Khu dân cư (Lô 13 + 14)	Hết Khu	1.0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
44	Lộ liên huyện về Trần Văn Thời	Quốc lộ 1A	Giáp ranh Trần Văn Thời	1.0
45	Lộ Rau Dừa - Tân Hưng	Ngã Tư Sông Rau Dừa	Cống Cái Giếng	1.0
46	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Lộ liên huyện về Trần Văn Thời	Giáp ranh Bưu điện xã Hưng Mỹ	1.1
47	nt	Giáp ranh Bưu điện xã Hưng Mỹ	Cầu Rau Dừa + 500m (Trừ khu chợ phía Nam)	1.1
48	nt	Cầu Rau Dừa + 500m	Cống Sư Liệu	1.0
49	Đường ô tô về trung tâm xã	Cầu Cái Bần	Hết ranh UBND xã Hưng Mỹ	1.0
50	Xã Hưng Mỹ	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1.0
<b>5. Xã Tân Hưng</b>				
51	Lộ ấp Phong Lưu	Cầu kênh xáng Đông Hưng	Hết ranh trường THCS Tân Hưng	1.2
52	nt	Giáp đường ô tô về trung tâm xã (Trụ sở UBND xã Tân Hưng)	Kênh Tùng Hựu	1.2
53	Lộ ấp Tân Hòa	Cầu Bộ Mão	Trạm Y Tế xã	1.1
54	nt	Trạm Y Tế xã	Cầu Phan Văn Tám	1.2
55	Khu dân cư phía sau chợ Tân Hưng	Chợ cũ	Giáp đường ô tô TT xã Tân Hưng	1.1
56	Khu chợ xã Tân Hưng	Giáp ranh đất Ông Hồ Văn Nhơn	Hết ranh đất bà Đặng Thị Thà	1.2
57	Đường ô tô về trung tâm xã Tân Hưng	UBND xã Tân Hưng	Cầu Cựa Gà	1.1
58	nt	Cầu Cựa Gà	Giáp ranh xã Phú Hưng	1.0

	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Xã Tân Hưng	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1.0
<b>6. Xã Hòa Mỹ</b>				
60	Quốc lộ 1A	Cống Sư Liêu	Cống Đá	1.0
61	Đường ô tô về xã Hòa Mỹ	Cầu Hòa Mỹ	Hết khu thiết chế văn hóa xã	1.0
62	Xã Hoà Mỹ	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1.0
<b>7. Xã Tân Hưng Đông</b>				
63	Lộ cống đá Kênh Tư	Quốc lộ 1A	Cầu kênh Láng Tượng	1.3
64	nt	Cầu kênh Láng Tượng	Đầu kênh Bến Địa	1.1
65	Đường vào UBND xã cũ	Quốc lộ 1A	Kênh xáng Lộ Xe	1.2
66	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cống Đá	Cách UBND xã Tân Hưng Đông: 250m	1.0
67	nt	Cách UBND xã Tân Hưng Đông: 250m	UBND xã Tân Hưng Đông + 250m	1.0
68	nt	UBND xã Tân Hưng Đông + 250m	Giáp ranh Trạm Biến Điện 110 kv	1.0
69	nt	Giáp ranh Trạm Biến Điện 110 kv	Giáp ranh Nghĩa Trang	1.1
70	Đường kênh Ráng	Từ trạm y tế	Giáp ranh trường Tân Tạo	1.2
71	Xã Tân Hưng Đông	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1.0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>8. Xã Đông Thới</b>				
72	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lộ Cái Nước - Tân Duyệt)	Đập Ông Phụng	Cổng Hai Lươn (Tên cũ: Đập Bào Tròn)	1.1
73	Tuyến Đê Đông (Tên cũ: Tuyến Đê Đông Cái Nước)	Đập Giáo Hồ	Đập nhà Thính A (Tên cũ: Ranh xã Đông Hưng)	1.0
74	Kênh xáng Đông Hưng	Ngã tư Rạch Dục	Đập Giáo Hồ	1.0
75	Tuyến sông Cái Cấm (Bên nhà thờ)	Cầu Hiệp Thông	Cầu Kinh Huế	1.0
76	Xã Đông Thới	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1.0
<b>9. Xã Đông Hưng</b>				
77	Cụm dân cư Tân Phong	Cụm dân cư Tân Phong	Hết Cụm	1.1
78	Tuyến Đê Đông (Tên cũ: Tuyến Đê Đông Cái Nước)	Đập nhà Thính A (Tên cũ: Ranh xã Đông Hưng)	Giáp ranh xã Tân Hưng (Tên cũ: Giáp ranh cụm dân cư Tân Phong)	1.0
79	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lộ Cái Nước - Tân Duyệt)	Cổng Hai Lươn (Tên cũ: Đập Bào Tròn)	Bến phà Giá Ngụ (Tên cũ: Tuyến Đê Đông Cái Nước)	1.0
80	Lộ nhựa Tân Phong	Tuyến Đê Đông (Tên cũ: Tuyến Đê Đông Cái Nước)	Cầu Kênh Tắt (Tên cũ: Cầu Kinh Tắt)	1.0
81	Đường vào UBND xã	Giáp đường ô tô về trung tâm xã	Giáp Sân Chim Chà Là	1.0
82	Xã Đông Hưng	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1.0
<b>10. Xã Trần Thới</b>				
83	Quốc lộ 1A	Giáp ranh thị trấn Cái Nước	Cách Xí nghiệp Nam Long 300m	1.0
84	nt	Cách Xí nghiệp Nam Long 300m	Giáp ranh Xí nghiệp Nam Long	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
85	Quốc lộ 1A	Giáp ranh Xí nghiệp Nam Long	Bến Phà Đầm Cùg	1.0
86	Lộ Cái Nước - Phú Tân	Đập Cây Dương	Giáp ranh huyện Phú Tân	1.0
87	Đường vào UBND xã Trần Thới	Bến phà Đầm Cùg	Hết ranh UBND xã Trần Thới	1.0
88	Khu vực chợ xã Trần Thới	Hết ranh UBND xã Trần Thới	Hết ranh Trạm Y Tế	1.0
89	nt	Hết ranh Trạm Y Tế	Hết ranh bến Nhà Máy Nước Đá Tấn Đạt (Tên cũ: Hết ranh bến Nhà Máy Nước Đá)	1.0
90	Lộ trung tâm xã	Quốc lộ 1A	Hết ranh trạm y tế (Tên cũ: Kinh xáng lộ xe)	1.1
91	nt	Lộ Trung tâm xã	Hậu dãy nhà UBND xã Trần Thới	1.1
92	Khu Tái định cư cầu Đầm Cùg	Những dãy giáp mặt tiền lộ trung tâm xã và khu vực chợ xã Trần Thới (Đoạn từ UBND xã đến trạm Y tế)		1.0
93	nt	Những dãy còn lại phía trong		1.0
94	Tuyến kênh Sáng	Quốc lộ 1A	Cống Bào Châu	1.0
95	Quốc lộ 1A	Cách Xí nghiệp Nam Long 300m	Dốc cầu Đầm Cùg	1.0
96	Tuyến lộ theo sông Bảy Háp	Bến phà Đầm Cùg (Quốc lộ 1A cũ)	Cây xáng Bào Châu	1.2
97	Xã Trần Thới	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1.0
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2

## 6. HUYỆN PHÚ TÂN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>1. Xã Phú Thuận</b>				
1	Khu trung tâm xã	Ranh đất ông Giang	Hết ranh đất bà Mỹ Nhung (2 bên)	1.2
2	nt	Ranh đất ông Khả (Phước)	Trạm y tế xã (2 bên)	1.2
3	nt	Trạm y tế xã	Hãng nước đá	1.2
4	nt	Giáp ranh hãng nước đá	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Thanh Phương	1.2
5	nt	Ranh đất ông Võ Văn Đèo	Ngã ba về Cái Nước (2 bên)	1.2
6	nt	Ngã ba về Cái Nước (Tuyến lộ xe)	Cầu Vàm Đĩnh (2 bên)	1.2
7	nt	Ranh đất ông Quân	Ngã ba sông về Cái Nước	1.2
8	Tuyến đường Vàm Đĩnh - Cái Chim	Ngã ba về Quốc lộ 1A	Hết ranh đất ông Lâm Chìl	1.2
9	nt	Hết ranh đất ông Lâm Chìl	Đập Cái Chim	1.2
10	Phía xã cũ	Đình thần Vàm Đĩnh	Hết ranh đất ông Huỳnh Phúc Lâm	1.2
11	Khu vực chợ Giáp Nước	Tượng đài Liệt sỹ	Đập Giáp Nước (Nhà ông Thi Công Đá)	1.2
12	nt	Tượng đài Liệt sỹ	Trạm y tế cũ	1.2
13	nt	Ranh đất nhà bà Nguyễn Thị No	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cao (Chệt Cao)	1.2
14	nt	Cây xăng ông Huỳnh Hoàng Thắng (Nhà bà Tám bán com)	Đầm Thị Tường, 2 bên (Hết ranh đất ông Trung)	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
15	Khu vực chợ Giáp Nước	Đập Giáp Nước	Cây xăng ông Huỳnh Hoàng Thắng (Nhà bà Tám bán cơm)	1.2
16	Tuyến kênh Bến Đìa - kênh Chông Mỹ	Kênh Bến Đìa	Kênh Chông Mỹ	1.2
17	Tuyến sông Giáp Nước - kênh Bến Đìa	Ngã ba sông Giáp Nước	Đầu kênh Bến Đìa	1.2
18	Đầu sông Bến Đìa - Đầm Thị Tường	Cầu Bến Đìa	Giáp ranh xã Phú Mỹ (Nhà ông Nguyễn Văn Thanh)	1.2
19	Tuyến kênh Thọ Mai	Nhà ông Nguyễn Văn Lâm (Bãi cát đá)	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Kịp	1.2
20	Tuyến kênh Vàm Đình - Cái Nước	Nhà ông Nguyễn Văn Điền	Hết ranh đất ông Nguyễn Lữ Hiền	1.2
21	Khu Trung tâm xã	Ranh đất ông Phương	Cầu Vàm Đình	1.0
22	Phía xã cũ	Hết ranh đất ông Phúc Lâm	Cầu sắt (Nhà ông Nguyễn Văn Cần)	1.2
<b>2. Xã Phú Mỹ</b>				
23	Khu vực Ba Tiệm	Trường THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	Hết ranh Trường trung học Phú Mỹ II	1.2
24	Khu vực Vàm Xáng	Phía trước bưu điện xã Phú Mỹ	Hết ranh đất ông Khen	1.2
25	Kênh xáng Thọ Mai	Kênh xáng Thọ Mai	Hết ranh đất bà Tám Nguyệt Lệ	1.3
26	Khu căn cứ Tỉnh ủy	Ranh đất khu căn cứ Tỉnh ủy	Hết ranh đất ông Minh	1.2
27	nt	Hết ranh đất ông Minh	Về vàm kênh xáng Thọ Mai	1.2
28	nt	Khu căn cứ Tỉnh ủy	Hết ranh đất ông Giang	1.2
29	nt	Hết ranh đất ông Giang	Ngã ba Đầm Thị Tường (Hết ranh đất ông Thắng)	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
30	Tuyến kênh Bà Ký	Ngã tư kênh Bà Ký	Trường tiểu học cơ sở Phú Mỹ 3	1.2
31	nt	Đầu ngã tư kênh Bà Ký	Kênh Đòn Dong	1.2
32	Tuyến trường TH Phú Mỹ 2 đến giáp ranh xã Phú Thịnh (Tên cũ: Tuyến Tuyến trường TH Phú Mỹ 2 ngã ba kênh Chôm Mã)	Trường Tiểu học Phú Mỹ 2	Đầu cầu sắt (Giáp ranh xã Phú Thuận)	1.3
33	Tuyến Ngã ba kênh Bà Ký đến Kênh Ba Pha	Ngã ba kênh Bà Ký	Kênh Ba Pha	1.1
34	Tuyến kênh Đê Quốc Phòng	Kênh đê Quốc Phòng	Đến ranh đất ông Nguyễn Thành Trung	1.1
35	Ranh đất ông Khen đến đầu kênh Nước Mặn	Hết ranh đất ông Khen	Kênh Nước Mặn	1.2
36	Từ cuối kênh Quốc Phòng đến Lung Cần Thơ	Cuối Kênh đê Quốc Phòng	Lung Cần Thơ	1.3
37	Tuyến Ngã tư số 1 đến Cống Ba Tiệm	Ngã tư số 1	Cống Ba Tiệm	1.1
38	Đất ông Chánh đến cầu rạch Lung Chim	Ranh đất ông Trần Văn Chánh	Cầu rạch Lung Chim	1.0
39	Tuyến ngã tư kênh Bà Ký đến ranh đất ông Minh	Ngã tư kênh Bà Ký	Hết ranh đất Ông Minh	1.2
40	Tuyến bà Ký nghĩa	Đầu kênh xáng Thọ Mai	Hết ranh đất nhà ông Trần Văn Chánh	1.2
41	Tuyến kênh 5	Ngã tư Bà Ký	Kênh Phú Thạch (Giáp ranh xã Phú Thuận)	1.2
<b>3. Xã Phú Tân</b>				
42	Đường số 1	Tim nhà lồng chợ cũ (Về hướng Đông)	Hàng rào Trường Cấp III (Ranh đất ông Mười Bồn)	1.2
43	nt	Tim nhà lồng chợ cũ (Về hướng Tây)	Hết ranh đất ông Dũng - Thúy	1.2
44	Đường số 1	Ranh đất ông Tráng (Tuyến sông) kéo dài	Hết ranh đất ông Hên, bà Ba Xị (2 bên)	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
45	nt	Trường tiểu học Phú Tân (vòng qua bên chợ mới) (Tên cũ: Ranh đất ông Sơn vòng qua bên Tàu)	Hết ranh đất ông Phạm Hùng Tráng (ngã 3) (Tên cũ: Hết ranh Trụ sở ấp văn hóa (Ngã ba nhà ông Tráng))	1.2
46	nt	Hết ranh đất ông Dũng - Thúy	Hết ranh đất ông Sỹ Tuấn (2 bên)	1.2
47	nt	Trụ sở ấp Cái Đồi (2 bên)	Hàng rào trường Cấp III (Nhà ông 10 Bôn)	1.2
48	nt	Ranh đất ông Sỹ Tuấn (2 bên)	Ngã ba kênh xáng Miếu ông Cò (Nhà ông Sơn)	1.2
49	Đường số 2	Ngã ba (Nhà ông Khổng Kia)	Ngã 3 đất ông Bông Văn Liếp	1.2
50	nt	Ranh đất ông Minh Gù (2 bên)	Hết ranh đất ông Tú (Ngã ba Miếu Ông Cò)	1.2
51	nt	Hết ranh đất bà Nga	Hết ranh Nhà mồ ngang trường cấp III (Mới)	1.2
52	Đường số 3	Đầu cầu nhà ông Đức	Đầu cầu nhà ông Hòa (2 bên)	1.2
53	nt	Đầu cầu (Hãng nước đá ông Hil)	Đầu kênh Tân Điền nhà ông Quách Hôn (2 bên)	1.2
54	nt	Đầu cầu (Cuối nhà ông Hòa)	Hết ranh đất ông Võ Văn Go (2 bên)	1.2
55	nt	Hết ranh đất ông Võ Văn Go	Đầu Kênh Đứng	1.2
56	Đường số 4	Đầu cầu nhà ông Năm Thiện (Phía trên bờ)	Ngã ba Cầu UBND xã Phú Tân	1.2
57	nt	Ngã ba cầu UBND xã Phú Tân	Hết ranh đất ông Sáu Báo (2 bên)	1.2
58	nt	Đầu cầu UBND xã Phú Tân	Ngã ba kênh Xáng	1.2
59	Đường số 4	Ngã ba kênh xáng (2 bên)	Đường vào kênh Xáng (Giáp ranh đất nhà ông Sáu Báo)	1.2
60	nt	Hết ranh đất ông Sáu Báo	Hết ranh đất ông Út Xã	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
61	Các tuyến lộ khác	Đầu cầu nhà ông Đol (Bờ Nam)	Đầu kênh Đầu Sáu	1.2
62	nt	Đầu cầu (Nhà ông Tráng) bờ Bắc	Đầu kênh Xáng (Miếu ông Cò)	1.2
63	nt	Đầu kênh xáng (Nhà ông Tuấn)	Hết ranh đất ông Sáu Sinh	1.0
64	nt	Đầu cầu (Nhà ông Trãi)	Hết ranh đất ông Ba Hùng (2 bên)	1.2
65	Các tuyến lộ khác	Đầu cầu (Nhà ông Ba Lan)	Hết ranh đất ông Ba Hùng (2 bên)	1.2
66	nt	Ranh đất Ba Lan về Cống Đá (Bờ Nam)	Hết ranh đất ông Tám Xịt	1.2
<b>4. Xã Việt Thắng</b>				
67	UBND xã đến cầu Cái Đài	UBND xã Việt Thắng	Hết ranh đất ông Ba Be (Về hướng cầu Bào Châu, 2 bên)	1.2
68	nt	Hết ranh đất ông Ba Be	Cầu Bào Châu	1.3
69	nt	Cầu Bào Châu	Cầu Cả Đài (Tên cũ: Cầu Cái Đài)	1.2
70	UBND xã đến đập Kiểm Lâm (Tuyến lộ cấp 6)	Cầu Độ Lợi (Tên cũ: Cầu Độ Lợi)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tài	1.1
71	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tài	Cầu Dân Quân	1.4
72	nt	Cầu Dân Quân	Đập Kiểm Lâm	1.2
73	Khu Chợ Mới (Áp Hiệp Thành)			1.2
74	Khu Chợ Mới	Cầu Độ Lợi	Hết ranh Khu Chợ Mới	1.2
75	Kênh 30/4 - Bào Châu	Kênh 30/4	Lộ uỷ ban xã Cao Đài (Tên cũ: Bào Châu)	1.4
76	Lung Cây Giá đến kênh Kiểm Lâm	Lung Cây Giá	Kênh Kiểm Lâm	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
77	Kênh Ba đến kênh So Đũa	Kênh Ba	Kênh So Đũa	1.1
<b>5. Xã Tân Hưng Tây</b>				
78	Cầu Kênh Mới đến chợ Cái Bát	Cầu Kênh Mới (Hướng Đông)	Về hướng chợ Cái Bát: 200m	1.2
79	nt	Cầu Kênh Mới từ mét 201	Cách cầu trạm y tế xã: 100m	1.2
80	nt	Cách cầu trạm y tế xã: 100m	Cầu trạm y tế xã	1.3
81	Cầu Kênh Mới đến chợ Cái Bát	Cầu trạm y tế xã	Hết ranh đất ông Tô Thành Khương	1.2
82	Trung tâm chợ Cái Bát	Cầu Cái Bát 2 bên (Khu vực chợ)	Rẽ qua cầu Kênh Ông Xe đến hết trường cấp I, II; trở lại trường mẫu giáo Hướng Dương (lộ cấp 6)	1.2
83	nt	Kênh Ông Xe Bờ Bắc	Đường vào Trường mẫu giáo Hướng Dương	1.2
84	Trung tâm chợ Cái Bát	Kênh Ông Xe Bờ Nam	Trường Tiểu học Tân Hưng Tây A	1.2
85	Các tuyến khác	Đường vào Trường mẫu giáo Hướng Dương (Hướng Bắc)	Hết ranh đất ông Tô Bình Ken	1.2
86	nt	Hết ranh đất ông Tô Bình Ken	Hết ranh đất ông Đỗ Thanh Hồng	1.2
87	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Sứt	Về chùa Ngọc Ân (Cách 200m)	1.2
88	Các tuyến khác	Ranh đất ông Lý Thạnh	Về cầu Trung ương Đoàn: 200m	1.2
89	Lộ Cái Nước - Cái Đôi Vàm	Cầu Vàm Đinh	Cầu kênh Đứng (Hướng Nam)	1.2
90	nt	Cầu kênh Đứng	Cầu Bào Láng (Hướng Nam)	1.2
91	nt	Cầu Vàm Đinh	Hết ranh ông Phạm Văn Chàng	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
92	Tuyến kênh Ông Xe, phía Bắc	Ranh đất ông Đỗ Thanh Hồng	Hết ranh ông Đỗ Đắc Thơi	1.2
93	Tuyến kênh Ông Xe, phía Nam	Trường Tiểu học Tân Hưng Tây A	Hết ranh Chùa Ngọc Ân	1.0
<b>6. Xã Tân Hải</b>				
94	Tuyến Bào Láng	Đầu kênh Bào Láng phía bên sông	Lộ huyện Vàm Đình - Cái Đôi Vàm	1.2
95	Tuyến Bào Láng	Đầu kênh Bào Láng phía bên UBND xã	Lộ huyện Vàm Đình - Cái Đôi Vàm	1.3
96	Tuyến lộ huyện Vàm Đình - Cái Đôi Vàm (Hướng Bắc)	Kênh Mới	Cống Lung Heo	1.3
97	nt	Cống Lung Heo	Kênh 90	1.2
98	Phía UBND xã (Tên cũ: UBND xã đến Đầu Sáu)	Cầu miếu ông Lò (Tên cũ: Trụ sở UBND xã Tân Hải)	Đầu kênh Đầu Sáu	1.2
99	nt	Đầu kênh Đầu Sáu	Đầu Kênh Tư	1.3
100	Tuyến lộ ven sông Cái Đôi	Trụ sở UBND xã Tân Hải	Hết khu Bình Hưng	1.2
101	nt	Hết khu Bình Hưng	Kênh 90	1.3
102	Đối diện UBND xã (Hướng Tây)	Ngang vàm Bến Đìa	Về hướng Cái Đôi Vàm: 500 m	1.3
103	Bến Đìa	Vàm Bến Đìa	Hết ranh Trường Cấp II (2 bên)	1.2
104	Xóm Trung	Ngang vàm Bến Đìa	Đầu kênh Tân Điền	1.2
105	Kênh Mới	Đầu Kinh Mới	Đầu lộ huyện (2 bên)	1.2
106	Kênh Công Nghiệp	Đầu kênh Công Nghiệp	Cuối kênh Công Nghiệp	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
107	Tân Phong	Đầu kênh Cái Cám	Cuối kênh Cái Cám	1.2
108	Tân Điền	Đầu kênh Tân Điền	Cuối kênh Tân Điền	1.2
109	Kênh Thanh Bình	Đầu Sèo Cạn	Lô hai Thanh Bình	1.2
<b>7. Xã Rạch Chèo</b>				
110	Trung tâm chợ Rạch Chèo	Đầu vàm Kênh Năm	Hết Rạch Chèo Ngọn	1.2
111	nt	Vàm Rạch Chèo	Về hướng trụ sở UBND xã: 200m (2 bên)	1.2
112	nt	Vàm Rạch Chèo + 200m	Trụ sở UBND xã Rạch Chèo (2 bên)	1.2
113	nt	Trụ sở UBND xã Rạch Chèo	Ven sông Bảy Háp theo chỉ giới quy hoạch	1.0
114	nt	Trụ sở UBND xã Rạch Chèo	Cách trụ sở UBND xã Rạch Chèo: 250m (Về hướng đầu Kênh 90, 2 bên)	1.2
115	nt	Cách trụ sở UBND xã Rạch Chèo: 250m (Về hướng đầu Kênh 90, 2 bên)	Đầu kênh 90	1.2
116	nt	Vàm Rạch Chèo Ngọn	Hết ranh Trường tiểu học Rạch Chèo	1.2
117	Tuyến Kênh 90	Vàm Kênh 90	Đê biển Tây (Phía Đông)	1.0
118	Tuyến Kênh 90	Ngã ba Đường Ven (Phía Đông)	Cầu Kênh 90	1.2
119	Tuyến lộ huyện Vàm Đình - Cái Đôi Vàm (Hướng Nam)	Cầu Kênh 90	Cống Lung Heo	1.2
120	nt	Cống Lung Heo	Cầu Bào Láng	1.2
121	Kênh Năm (Về UBND xã Tân Hưng Tây)	Cầu Kênh 5	Cầu Cống Mới	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
122	nt	Cầu Cổng Mới	Bùng bình Cái Bát	1.2
123	Kênh 5	Vàm Kênh 5	Đầu kênh Tư Gà	1.0
<b>8. Xã Nguyễn Việt Khái</b>				
124	Khu trung tâm xã	Cửa Gò Công	Trạm Y tế	1.2
125	nt	Cầu UBND xã	Cầu Rạch Lạc Nhỏ phía trên bờ	1.0
126	nt	Giáp Khu tái định cư	Ban quản lý Rừng Phòng hộ Sào Lưới	1.2
127	Khu dân cư Gò Công (Khu Cù Lao)			1.0
128	Khu tái định cư Gò Công			1.0
129	Phan Ngọc Hiển	Cầu kênh Kiểm Lâm mới	Kênh Năm Nhung	1.2
130	nt	Kênh Năm Nhung	Đầu lộ về xã Nguyễn Việt Khái	1.3
131	nt	Đầu lộ về xã Nguyễn Việt Khái	Hết đất ông Phạm Văn Khương (Tên cũ: Hết đất ông Nguyễn Thành Khương)	1.3
132	Tuyến Rạch Cái Đồi Nhỏ (2 bên)	Cầu Cái Đồi Nhỏ	Đầu kênh Tạm Cấp	1.2
133	Tuyến Rạch Cái Đồi Nhỏ (2 bên)	Kinh Năm Nhung	Kinh Cờ Trắng	1.2
134	Tuyến lộ Gò Công - Cái Đồi Vàm	Cầu Rạch Lạc Nhỏ	Cầu Cái Đồi Nhỏ	1.1
135	nt	Cầu Cái Đồi Nhỏ (Hướng Đông)	Đường vào cổng huyện đội	1.2
136	Tuyến lộ Gò Công - Cái Đồi Vàm	Đường vào cổng huyện đội	Cầu Kiểm Lâm	1.2
137	Xóm Gò Công cũ	Cầu Trắng	Hết lộ hiện hữu	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
138	Tuyến kênh Năm Nhung	Phan Ngọc Hiển	Rạch Cái Đôi Nhỏ	1.3
139	Khu hành chính huyện mới	Khu hành chính thuộc ấp Cái Đôi Nhỏ		1.3
140	Kênh Tập Đoàn	Đầu kênh Tập Đoàn	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Lùng (Tên cũ: Hết ranh đất ông Đặng Văn Lùng)	1.1
141	Kênh Tân Tiến	Đầu cầu Tân Tiến	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hén (Tên cũ: Hết ranh đất ông Đoàn Văn Dàn)	1.1
142	Tuyến lộ xã	Đầu cầu UBND xã	Hết ranh đất ông Võ Văn Phuôi	1.3
143	Tuyến lộ về trung tâm xã Nguyễn Việt Khái	Phan Ngọc Hiển (Vào 30m)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	1.2
144	nt	Cầu Cái Đôi Nhỏ	Cầu Kênh huyện ủy	1.3
145	nt	Cầu Kênh huyện ủy	Tuyến lộ về trung tâm xã (Cũ)	1.1
	Tuyến lộ trong khu tái định cư			1.0
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2

## 7. HUYỆN ĐẦM DƠI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>1. Xã Tạ An Khương Đông</b>				
01	Xã Tạ An Khương Đông	Trung tâm xã Tạ An Khương Đông		1.2
02	nt	UBND xã	Hết ranh Trường tiểu học	1.2
03	Đường ô tô về trung tâm xã	UBND xã	Hết ranh Trạm Viễn thông	1.2
04	nt	Hết ranh Trạm viễn thông	Ranh xã Tạ An Khương Nam	1.2
05	Xã Tạ An Khương Đông	UBND xã	Về các hướng còn lại: 200m	1.2
06	nt	Ngã tư Cây Mết	Về các hướng: 200m	1.2
07	nt	UBND xã	Về vàm Kỹ Thuật: 200m (Phía lộ GTNT)	1.2
08	nt	UBND xã	Về Kênh 5: 200m (Phía lộ GTNT)	1.2
<b>2. Xã Tạ An Khương</b>				
09	Xã Tạ An Khương	Ngã tư Cây Nô	Về 4 hướng 200m	1.5
10	nt	Ngã tư Xóm Ruộng	Về 3 hướng: 200m (Tên cũ: Về 2 hướng: 200m)	1.5
11	nt	Ngã tư Cầu Ván	Về 3 hướng: 200m (Tên cũ: Về 4 hướng: 200m)	1.5
<b>3. Xã Tạ An Khương Nam</b>				
12	Xã Tạ An Khương Nam	UBND xã	Về hướng kênh xáng Sáu Đông 400m	1.2
13	nt	UBND xã	Về hướng Tân Hồng: 200m (Theo tuyến lộ) phía bờ Đông	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
14	Xã Tạ An Khương Nam	UBND xã	Về hướng Tân Hồng: 200m (Theo tuyến lộ) phía bờ Tây	1.2
15	nt	UBND xã	Cầu Hai An	1.2
16	Xã Tạ An Khương Nam	Cầu Hai An	Về hướng ngã ba Cây Dương, giáp thị trấn (Theo tuyến lộ)	1.2
17	Đường ô tô về trung tâm xã	Cầu lô 17 (Giáp ranh thị trấn)	Giáp ranh xã Tạ An Khương Đông	1.2
<b>4. Xã Tân Trung</b>				
18	Xã Tân Trung	Cổng Nhị Nguyệt	Về 2 hướng (Sông Nhị Nguyệt và Tân Trung): 200m	1.2
19	nt	Bến phà Hòa Trung	Về hướng UBND xã (2 bên lộ Đầm Dơi - Cà Mau): 200m	1.2
20	nt	Bến phà Hòa Trung + 200m	Cổng Tám Sị (2 bên lộ Đầm Dơi - Cà Mau)	1.2
21	nt	Cổng Tám Sị	Về hướng Ngã ba cổng chào (2 bên lộ Đầm Dơi - Cà Mau): 1.000m	1.2
22	nt	Ngã ba Cổng Chào	Đập Hội Đồng Ninh (Tên cũ: 2000m về hướng đập Hội Đồng Ninh)	1.2
23	nt	Ngã ba Cổng Chào	Về Đầm Dơi - Công Nhị Nguyệt (Tên cũ: Về hướng Đầm Dơi (2 bên lộ): 1000m)	1.2
24	nt	Ngã ba Cổng Chào	Sông Bảy Háp	1.2
25	nt	Đập Thầy Cai	Về hướng Đầm Dơi: 800m	1.2
26	nt	Đập Thầy Cai	Về hướng Lung Vệ: 2000m	1.2
27	Xã Tân Trung	Bến phà Hòa Trung	Đầu nối Hòa Thành (2 bên lộ)	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
28	nt	Đập Hội Đồng Ninh	Đập Bà Ban	1.2
29	nt	Đập Giáo Cừ 1.700m	Về hướng xã Tân Trung	1.2
30	nt	Đập Bà Ban	Cách cống Nhị Nguyệt: 200m	1.2
<b>5. Xã Tân Thuận</b>				
31	Xã Tân Thuận	UBND xã Tân Thuận	Cụm kinh tế kỹ thuật xã Tân Thuận	1.2
32	nt	UBND xã Tân Thuận (Theo kênh xáng phía bên UBND xã )	Về hướng Vàm mương:1000m	1.2
33	Xã Tân Thuận	Khu QHDC 1/500 (Tên cũ: Cụm kinh tế kỹ thuật xã Tân Thuận (Gành Hào))		1.2
34	nt	Ngã ba Xóm Tắc (Đất ven sông, về hướng ngã ba Bông Kết)	Hết ranh đất ông Việt Hùng (Ngang chùa Kim Liên Cổ Tự)	1.2
35	nt	Ngã ba Xóm Tắc (Đất ven sông, phía Tây)	Về các hướng Thuận Hòa: 300m	1.2
36	nt	Ngã ba Cây Tàng (Đất ven sông)	Về 2 hướng (Xóm Tắc, Ao Bông): 500m	1.2
37	nt	Ngã tư Trạm Y tế	Về các hướng: 200m	1.2
38	nt	Ngã ba Bồn Bồn	Về các hướng: 200m	1.2
39	nt	Ngã Tư ông Rum	Về các hướng: 200m	1.2
<b>6. Xã Tân Đức</b>				
40	Xã Tân Đức	Ngã tư Hiệp Bình	Về các hướng: 200m	1.2
41	Xã Tân Đức	Ngã tư Tân Phước (Đầu Trâu)	Về các hướng: 200m	1.2
42	nt	Ngã tư kênh Sáu Đông	Về các hướng: 200m	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
43	nt	Ngã tư Hiệp Bình + 200m	Hết ranh Trường tiểu học Hòa Bình	1.5
44	Đường ô tô về trung tâm xã	Ngã Tư Đầu Trâu	Cầu qua sông Hiệp Bình	1.2
45	Ngã tư Soa Đũa	Về các hướng: 200m		1.2
46	Ngã tư Ông Rum	Về các hướng: 200m		1.2
47	Ngã tư Cây Mết	Về các hướng: 200m		1.2
48	Ngã tư Chông Mỹ	Về các hướng: 200m		1.2
<b>7. Xã Tân Tiến</b>				
49	Xã Tân Tiến	Cầu Ông Búp (Phía Nam)	Hết ranh bên tàu Tân Tiến (Đất ven sông)	1.2
50	nt	Cách bến tàu Tân Tiến: 30m (Về phía sau, giới hạn lộ Cà Học - Tân Tiến)	Cầu Ông Búp (Phía sau nhà lồng, giới hạn lộ Tân Tiến - Cà Học)	1.2
51	nt	Cổng Ông Búp (Phía UBND xã)	Về hướng Tắc Cây Bần: 200m	1.2
52	nt	Bến tàu Tân Tiến	Về hướng Cây Tàng (Đất ven sông)	1.2
53	nt	Đất các dãy tiếp giáp nhà lồng		1.2
54	nt	Móng cầu ông Búp	Hết khu văn hóa Tân Tiến (Giáp ấp Thuận Thành)	1.2
55	Xã Tân Tiến	Khu văn hoá Tân Tiến	Ngã ba Cây Tàng (2 bên lộ xe Tân Tiến - Cà Học)	1.2
56	nt	Ngã ba Cây Tàng (Phía Đông)	Về 2 hướng : 500m (Nước Trong và Đồn biên phòng)	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
57	nt	Ngã ba trạm y tế 2 bên lộ xe (lộ bê tông) (Tên cũ: Cầu Ông Búp 2 bên lộ xe)	Ngã ba lộ xe về xã Tân Thuận	1.2
58	nt	Cầu Ông Búp	Về hướng Tác Cây Bần: 200m (Phía UBND xã)	1.2
59	nt	Cầu Ông Búp + 200 m	Về hướng Tác Cây Bần (Đối diện UBND xã)	1.2
60	nt	Ngã ba Đầu Trâu	Về các hướng: 200m	1.2
61	nt	Ngã ba đập Mặt Trời	Về các hướng: 200m	1.2
62	nt	Ngã ba kênh Nghĩa Hải	Về các hướng: 200m	1.2
63	nt	Cầu Ông Búp 2 bên lộ xe	Bến phà Tân Tiến - Tân Thuận	1.2
64	nt	Ngã 3 lộ xe về xã Tân Thuận	Cầu Chùm Lựu	1.3
65	nt	Cầu Chùm Lựu	Cầu Tân Đức 2	1.2
66	nt	Ngã 3 Cây Tàng (2 bên lộ xe Tân Tiến - Cà Học)	Cà Học	1.2
<b>8. Xã Tân Dân</b>				
67	Xã Tân Dân	Ngã ba kênh Sáu Thước	Về các hướng: 300m	1.2
68	nt	Ngã ba Lô 4	Về hướng Lô 1: 300m	1.2
69	Xã Tân Dân	Ngã ba Lô 4	Về hướng Đông: 300m	1.2
70	nt	Ngã ba Lô 1	Về các hướng: 300m	1.2
71	nt	Cầu Cà Bát (Lộ Đầm Dơi - Tân Tiến)	Về hướng cầu Vũ Đức: 1500m	1.2
72	Đường ô tô về trung tâm xã	Cầu Cà Bát	Kênh Lò Gạch	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
73	nt	Kênh Lò Gạch	Ngã ba Lô 4	1.2
74	Xã Tân Dân	Kênh Mới	Về các hướng: 500m	1.2
<b>9. Xã Tân Duyệt</b>				
75	Xã Tân Duyệt	Khu Quy hoạch chợ áp 9 (Cầu áp 9 về hướng Thanh Tùng (Tên cũ: Trung tâm chợ áp 9 (2 bên lộ Đầm Dơi - Thanh Tùng))		1.4
76	nt	Cầu áp 9	Hướng về Đầm Dơi 700m (Tên cũ: Về các hướng: 500m)	1.2
77	nt	Cổng ngã tư Xóm Ruộng (Lộ Đầm Dơi - Cà Mau)	Cổng Tám Đực (Giáp xã Tân Trung)	1.4
78	nt	Cách cổng ngã tư Xóm Ruộng: 30m	Cầu kênh Dân Quân	1.2
79	nt	Ngã ba Cổng Đá	Về các hướng: 200m	1.2
80	nt	Ngã tư Ông Bình	Về hai hướng: 500 m	1.2
81	nt	Ngã ba Rạch Sao	Hướng về cầu Lung Dừa (Tên cũ: Về các hướng: 200m)	1.2
82	nt	Ngã ba Rạch Sao + 201m (2 bên lộ)	Về các hướng	1.2
83	Xã Tân Duyệt	Cổng áp 10	Về hai bên cổng: 300m	1.2
84	nt	Đoạn Ngã Tư Ông Bình	Cầu Bào Vương	1.2
85	nt	Ngã Tư Ông Bình	Cổng đá (Tên cũ: Cầu Bảy Thi)	1.2
86	Xã Tân Duyệt	Đoạn Cầu Lung Ứng	Cầu Bào Vương	1.0
87	nt	Đoạn Cầu Thầy Chương	Cầu Lung Ứng	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
88	nt	Đoạn Cầu Thầy Chương	Cầu Bào Bèo	1.2
89	nt	Lộ Đầm Dơi Thanh Tùng	Các Đoạn còn lại	1.2
90	nt	Cầu Rạch Sao II	Cầu Kinh Hàng Dừa	1.2
91	nt	Cầu Kinh Hàng Dừa	Cống Lung Gạo	1.2
92	nt	Cống đá	Giáp ranh xã Quách Phẩm Bắc (lộ 709)	1.2
<b>10. Xã Trần Phán</b>				
93	Xã Trần Phán	Cống Chà Là	Hết ranh bến tàu liên huyện (Trên lộ và dưới sông)	1.2
94	nt	Bến tàu liên huyện	Kênh Chín Y	1.0
95	nt	Kênh Chín Y	Cống Bờ Đập (Sông Bảy Háp)	1.0
96	nt	Cống Chà Là	Cầu Chà Là I (Hướng Bắc)	1.2
97	nt	Cống Chà Là	Cầu Chà Là I (Hướng Nam)	1.2
98	Xã Trần Phán	Cầu Chà Là I + 200m (Tên cũ: Cầu Chà Là I)	Về hướng sông Chà Là: 200m (2 bên)	1.2
99	nt	Cống Chà Là	Cầu Kéo cũ (Trạm y tế cũ)	1.2
100	nt	Trạm y tế (Tên cũ: Cầu Kéo cũ (Trạm y tế cũ))	Bến phà Chà Là (2 bên lộ dọc theo sông Bảy Háp)	1.2
101	nt	Cầu Chà Là (2 bên lộ Chà Là - Cái Keo)	Lộ Chà Là - Cái Nước	1.1
102	nt	Cầu Chà Là I	Kênh Chín Y (2 bên lộ Chà Là - Tân Trung)	1.3

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
103	nt	Kênh Chín Y	Cách cống Bờ Đập: 200m (2 bên lộ Chà Là - Tân Trung)	1.2
104	nt	Cống Bờ Đập	Về các hướng còn lại: 200m	1.0
105	nt	Đê ngăn mặn ấp Nhị Nguyệt	Về 2 hướng: 200m (Trần Phán và sông Nhị Nguyệt)	1.1
106	nt	Cầu Sáu Hoàng	Cầu Út Hà	1.3
107	nt	Cầu Sáu Hoàng	Cầu Chà Là II (Lộ Đầm Dơi - Cái Nước)	1.2
108	nt	Cầu Chà Là II	Cầu Bá Huê (Lộ Đầm Dơi - Cái Nước)	1.3
109	nt	Cầu Bá Huê	Cầu Kênh Nai (Lộ Đầm Dơi - Cái Nước)	1.3
110	nt	Cầu kênh Nai	Cống Lung Gạo giáp ranh xã Tân Duyệt	1.2
111	Xã Trần Phán	Cầu Sáu Hoàng	Hết ranh bên phà Chà Là	1.2
112	Lộ bê tông số 3	Ngã tư lộ Chà Là	Đường bê tông số 3 (Đường vào Trường trung học cơ sở xã Trần Phán cũ)	1.2
<b>11. Xã Nguyễn Huân</b>				
113	Xã Nguyễn Huân	Bến tàu Vàm Đầm	Ngã ba Vàm Đầm (Phía mé sông)	1.2
114	nt	Bến tàu Vàm Đầm	Ngã ba Vàm Đầm (Phía trên lộ)	1.2
115	nt	Bến tàu Vàm Đầm	Rạch Ông Mao (Phía lộ giáp mé sông lên giáp phía sau dãy nhà nằm trên đường 3-2)	1.3
116	nt	Cách lộ cấp VI đồng bằng 20m	Cầu Ông Mao (2 bên)	1.2

	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K) (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
	nt	Rạch Ông Mao	Hết ranh Trường cấp II	1.2
118	nt	Ngã ba Vàm Đầm	Hết ranh Trạm y tế (Phía mé sông)	1.2
119	nt	Ngã ba Vàm Đầm	Hết ranh Trạm y tế (Phía lộ)	1.2
120	nt	Ngã ba kênh Ba Hồng	Về các hướng: 200m	1.0
121	nt	Ngã ba Bảy Căn	Về các hướng: 200m	1.2
122	Xã Nguyễn Huân	Cụm dân cư làng cá Hồ Gùì		1.2
123	Tuyến lộ cấp VI đồng bằng	Giáp Tân Tiến	Hết ranh Trường Tiểu Học Vàm Đầm (Trừ Ngã ba Kênh Ba Hồng)	1.2
124	Xã Nguyễn Huân	Từ nhà ông Châu Văn Loan	Trường tiểu học Vàm Đầm (tính 2 bên)	1.2
125	nt	Từ nhà ông Dương Văn Chiêu	Đến giáp khu đất người dân tộc (tính 2 bên)	1.2
126	Đường 3-2	Từ nhà ông Trần Văn Lượng (giáp đường số 2)	Qua khỏi lộ cấp VI đồng bằng 20m (tính 2 bên)	1.2
<b>12. Xã Ngọc Chánh</b>				
127	Lộ xe Đầm Dơi - Thanh Tùng	Ngã ba Thầy Cẩn	Về hướng nhà thờ: 500m (2 bên lộ xe Đầm Dơi - Thanh Tùng)	1.2
128	nt	Ngã ba Thầy Cẩn	Về hướng Đập Ba Dây: 200m	1.2
129	nt	Đập Ba Dây: 200m	Cầu Trường Đạo (Giáp ranh xã Thanh Tùng)	1.2
130	Xã Ngọc Chánh	Ngã ba Thầy Cẩn	Về hướng Vàm Đầm: 200m	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
131	Xã Ngọc Chánh	Ngã ba Cống Đá Nông Trường	Về hướng Bàu Sen: 500m (2 bên lộ), (Trước 200m)	1.2
132	nt	Ngã ba Cống Đá Nông Trường	Về hướng Đồng Gò: 500m	1.2
133	nt	Bàu Sen, Nam Chánh	Về hướng nhà thờ 1500m	1.2
<b>13. Xã Quách Phẩm Bắc</b>				
134	Xã Quách Phẩm Bắc	UBND xã Quách Phẩm Bắc	Về hướng Trường cấp II (Tên cũ: Về hướng Trường cấp II (Bên lộ nhựa))	1.2
135	nt	UBND xã	Về hướng Trường cấp II (Tên cũ: Về hướng Trường cấp II (Bên lộ đất))	1.2
136	nt	Trường cấp II	Hết ranh Trường cấp I (2 bên)	1.2
137	Xã Quách Phẩm Bắc	UBND xã	Hết ranh Trường mẫu giáo: 500m (Về hướng sông Cây Kè)	1.2
138	nt	UBND xã	Về hướng Nhà Cũ - Lầu Quốc Gia: 500m	1.2
139	nt	Lầu Quốc Gia	Về hướng Kênh Cù: 300m	1.0
140	Xã Quách Phẩm Bắc	Lầu Quốc Gia	Về hướng Bà Hính: 300m	1.0
141	nt	Lầu Quốc Gia	Về hướng Kênh Giữa: 300m	1.2
142	nt	Lầu Quốc Gia + 300m	Cách UBND xã: 500m	1.0
143	nt	Cầu Bà Hính	Về sông Bà Hính: 500m	1.2
144	Xã Quách Phẩm Bắc	Cầu Bà Hính	Về hướng Lầu Quốc Gia: 500m	1.0
145	nt	Cầu Bà Hính	Giáp ranh xã Quách Phẩm	1.2

STT	Đường, tuyên lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
146	nt	Giáp Trần Phán (Kênh Út Hà)	Cách Lâu Quốc Gia: 300m	1.0
<b>14. Xã Thanh Tùng</b>				
147	Xã Thanh Tùng	UBND xã Thanh Tùng cũ	Cầu Bảo Mủ (Chợ Thanh Tùng) + 60m (Hết ranh cây xăng Hoàng Búp)	1.0
148	nt	Cầu Bảo Mủ	Về hướng Kênh Ba (2 bên)	1.2
149	nt	Cây xăng Hoàng Búp	Cầu Bào Dừa	1.2
150	nt	Cầu Bào Dừa	UBND xã Thanh Tùng mới (Hướng Tây)	1.0
151	nt	Cầu Bào Dừa	Về hướng Xóm Dừa (2 bên): 200m	1.2
152	nt	Đầu kênh Trường Đạo	Về hướng Vàm Đằm: 200m	1.2
153	nt	Đầu kênh Ông Đơn	Về hướng Trường Đạo: 200m	1.2
154	nt	Đầu Kênh 3	Về hướng Đập Xóm Miên: 200m	1.2
155	Xã Thanh Tùng	Đập Thanh Tùng	Đập Trường Đạo (Tuyến lộ nhựa)	1.2
156	nt	Cầu Thanh Tùng	Hướng Trụ sở văn hoá: 200m (2 bên)	1.2
157	nt	Cầu Trường Đạo	Trường tiểu học Thanh Tùng (Điểm Trường Đạo)	1.2
158	nt	UBND xã cũ	Ngã 3 chợ Thanh Tùng (nhà ông Nguyễn Văn Định)	1.2
159	nt	Salatel	Đập Xóm Miên (2 bên)	1.2
160	nt	Đập Xóm Miên	Về hướng đầu kênh 3: 200m	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>15. Xã Quách Văn Phẩm</b>				
161	Xã Quách Văn Phẩm	Cầu Cái Keo 1	Hết ranh Trường Mẫu giáo (Trung tâm chợ)	1.2
162	nt	Trường Mẫu giáo	Về hướng ngã ba Cây Dương: 100m	1.2
163	nt	Trường mẫu giáo + 100m	Ngã ba Cây Dương (Giáp Năm Căn)	1.2
164	nt	Ngã ba Cây Dương	Về hướng sông Cái Nháp: 200m	1.2
165	nt	Cầu Cái Keo 1	Hết ranh Trường Cấp II	1.2
166	Xã Quách Văn Phẩm	Trường cấp II	Hết ranh Trường THPT liên huyện	1.2
167	nt	Hết ranh Trường THPT liên huyện	Cách cống Bà Hính: 400m	1.2
168	nt	Bến tàu Bà Hính	Về hướng chợ Bà Hính: 200m	1.2
169	nt	Bến tàu Bà Hính	Về phía sông Bà Hính: 200m	1.2
170	Xã Quách Văn Phẩm	Cầu Cái Keo 1	Về hướng Cầu Cái Keo 2 (2 bên): 200m	1.2
171	nt	Cầu Cái Keo 2 + 200m	Về hướng sông Cái Keo (2 bên): 300m	1.2
172	nt	Cống Bào Hầm	Về các hướng: 200m	1.2
173	nt	Ngã ba Khạo Đò	Về các hướng: 200m	1.2
174	nt	Cầu Cái Keo 2 + 300m	Cách cống Bào Hầm: 200m	1.2
175	nt	Ngã tư chợ Bà Hính + 201 m	Cầu út Thoạt	1.2
176	nt	Cầu Cái Keo II	Bến phà Cây Dương	1.2

STT	Đường, tuyên lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
177	nt	Trung tâm hành chính xã	Bến phà Cây Dương	1.2
178	nt	Giáp lộ nội ô chợ Cái Keo	Giáp ranh Chùa Hưng Thới Tự	1.2
179	Đường số 2, 3, ấp Cái Keo	Giáp đường số 10	Giáp đường số 8	1.2
180	Đường số 5, ấp Cái Keo	Giáp đường số 11	Giáp ngã 3 Cây Dương về hướng sông Cái Nháp 200m	1.2
181	Đường số 6, ấp Cái Keo	Giáp đường số 14	Giáp ngã 3 Cây Dương về hướng sông Cái Nháp 200m	1.2
182	Đường số 9, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Giáp lộ trung tâm hành chính xã - Bến phà Cây Dương	1.2
183	Đường số 10, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Giáp lộ trung tâm hành chính xã - Bến phà Cây Dương	1.2
184	Đường số 11, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Giáp lộ trung tâm hành chính xã - Bến phà Cây Dương	1.2
185	Đường số 12, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Giáp đường số 5	1.2
186	Đường số 14, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Bến phà Cây Dương	1.2
187	Đường số 3, ấp bà Hính	Giáp nhà ông Lý Văn Mến	Giáp đường số 5	1.2
188	Đường số 4, ấp bà Hính	Giáp đường số 2	Giáp đường số 3	1.2
189	Đường số 3, ấp bà Hính	Giáp đường số 2	Ngã tư chợ Bà Hính + 201 m về cầu út Thoạt	1.2
190	Đường số 5, ấp bà Hính	Giáp lộ ô tô về trung tâm xã	Giáp đường số 2	1.2
191	Tuyến trung tâm xã	Cầu Cái Keo II	Giáp lộ trung tâm xã	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2

8. HUYỆN NĂM CĂN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>1. Xã Tam Giang Đông</b>				
1	Áp Vinh Hoa	Ranh đất ông Khánh	Hết ranh đất ông Út Huỳnh	1.2
2	nt	Ranh đất ông Vịnh	Cầu nhà bà Chín Thành	1.2
3	Áp Kinh Ba	Khu dân cư áp Kinh Ba	Hết ranh đất ông Phên (Kênh Ba)	1.2
4	nt	Ranh đất ông Hồng	Vàm Cái Nước	1.2
5	nt	Hết ranh đất ông Chín Mai	Rạch Xèo Bá	1.2
6	Áp Hồ Gùi	Cụm quy hoạch - tái định cư dân cư Hồ Gùi 1,2 và tái định cư khu 1 áp Hồ Gùi		1.2
7	Áp Bò Hủ	Cụm quy hoạch dân cư Vàm Cái Nước	Khu dự án CWPD	1.2
8	nt	Khu tái định cư Bò Hủ Lớn	Bò Hủ	1.2
9	Áp Vinh Hoa	Ranh đất bà Ba Đành	Hết ranh đất ông Sol	1.0
10	nt	Ranh đất ông Thắng	Hết ranh đất ông Chấn (Tiểu khu 132)	1.2
11	Áp Hồ Gùi	Kênh xáng khu tái định cư (Ranh đất ông Ba Minh)	Hết ranh đất ông Bảy Lợi	1.2
12	Áp Kinh Ba	Rạch Xèo Bá	Hết ranh đất bà Liễu	1.0
13	Áp Mai Vinh	Ranh đất ông Lê A	Hết ranh đất ông Ba Giảng	1.0
<b>2. Xã Tam Giang</b>				
14	Xã Tam Giang	Ranh đất ông Lam Phương	Hết ranh đất ông Dòn	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ (3)	Đến (4)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
15	Xã Tam Giang	Ngã tư chợ	Hết ranh đất ông Khôi	1.2
16	nt	Ranh đất ông Tư Giang	Hết ranh Đồn Biên Phòng 672	1.2
17	nt	Hết ranh Đồn Biên phòng 672	Trạm y tế xã	1.5
18	nt	Hết ranh Trạm y tế xã	Kênh 1	1.3
19	nt	Ranh đất ông Sét	Hết ranh đất ông Bảy Hụi	1.3
20	nt	Ranh đất ông Khản	Hết ranh đất ông Thành	1.2
21	nt	Hết ranh Trường tiểu học 1	Kênh Bò Bàu (Lộ sau UBND xã)	1.2
22	nt	Ranh đất bà Đào	Hết ranh đất ông Sơn	1.2
23	nt	Ranh đất ông Lân	Hết ranh đất Trại giống Út Quang	1.3
24	nt	Trường tiểu học 184 (Ranh đất ông Vũ)	Hết ranh Phân Trường 184	1.2
25	nt	Hết ranh Phân trường 184	Rạch Cái Nhám Nhỏ	1.2
26	nt	Rạch Cái Nhám Nhỏ	Kênh Cây Mắm	1.2
27	nt	Giáp ranh Trường cấp 2	Hết ranh đất ông Hai Nhị	1.5
28	nt	Bến phà Kinh 17	Bến phà Tam Giang III	1.2
29	nt	Kênh Ông Đơn	Hết ranh đất ông Hai Nhị	1.1
30	nt	Cầu Bò Bàu	Bến phà Tam Giang III	1.0
<b>3. Xã Hiệp Tùng</b>				

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
31	Xã Hiệp Tùng	Trụ sở UBND xã Hiệp Tùng	Hết ranh hàng đáy ông Bảy Hoài (Số 1)	1.4
32	nt	Vàm Cái Ngay	Kênh Cá Chốt	1.3
33	nt	Vàm kênh Năm Sâu	Hết ranh trụ sở UBND xã	1.2
34	nt	Vàm kênh Năm Sâu	Trường trung học cơ sở xã Hiệp Tùng (Tên cũ: Hết ranh Trung tâm văn hoá xã)	1.2
35	nt	Giáp ranh Trường Tiểu học 1	Ngã tư kênh Năm	1.2
36	nt	Hết ranh Trung tâm văn hoá xã	Hết ranh Trường THCS xã Hiệp Tùng	1.3
37	nt	Hết ranh Trường THCS xã Hiệp Tùng	Cầu kênh Năm Cạn	1.2
38	Kênh Năm Cạn	Cầu Kênh Năm Cạn	Cầu Nàng Kèo	1.0
39	Xóm Lung	Cầu Xóm Lung	Ranh đất ông Hận	1.0
<b>4. Xã Hàm Rồng</b>				
40	Quốc lộ 1A	Bến phà Đầm Cùng	Ngã ba cầu Đầm Cùng	1.2
41	nt	Mố cầu Đầm Cùng (Tên cũ: Cầu Đầm Cùng)	Mố cầu Lòng Tong (Tên cũ: Cầu Lòng Tong)	1.2
42	nt	Mố cầu Lòng Tong (Tên cũ: Cầu Lòng Tong)	Mố cầu Ông Tình (Tên cũ: Cầu Ông Tình)	1.3
43	Lộ Cây Dương	Quốc lộ 1A	Hết ranh bến phà Đầm Cùng cũ	1.2
44	Các tuyến khác	Quốc lộ 1A	Mố cầu 19/5 (Tên cũ: Cầu 19/5)	1.2
45	nt	Bà Lai Thị Tài (Tên cũ: Quốc lộ 1A)	Bến phà Đầm Cùng cũ (Tên cũ: Giáp lộ Cây Dương (Hướng Tây))	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
46	Các tuyến khác	Hết ranh bên phà Đầm Cùg cũ	Hết ranh bên phà Đầm Cùg mới	1.2
47	nt	Quốc lộ 1A	Hết ranh UBND xã	1.2
48	nt	Ranh UBND xã (Tên cũ: Hết ranh UBND xã)	Mố cầu Cái Trăng Lá (Tuyến Cây Dương) (Tên cũ: Cầu Cái Trăng Lá (Tuyến Cây Dương))	1.2
49	nt	Mố cầu Cái Trăng Lá (Tên cũ: Cầu Cái Trăng Lá)	Bến phà Cây Dương (Tên cũ: Hết ranh bên phà Cây Dương)	1.4
50	nt	Trụ sở Quân sự xã (Tên cũ: Đội thuế)	Trại giống Hoà Lợi	1.1
51	Sông Bảy Háp	Cầu Cái Trăng Lá (Tên cũ: Vàm Truyền Huấn)	Bến phà Cây Dương (Tên cũ: Cầu Truyền Huấn)	1.2
52	nt	Cầu Truyền Huấn	Hết ranh đất ông Phạm Văn Liệu (Hướng Tây)	1.2
53	nt	Cầu Truyền Huấn	Hết ranh đất ông Lê Văn Ngôi (Hướng Đông)	1.1
54	nt	Ranh đất ông Lương Văn Có	Hết ranh đất bà Phạm Thị Cẩn	1.2
55	Xã Hàm Rồng	Ranh đất ông Danh Hồng Hậu	Hết ranh đất ông Trần Thanh Bình (Hướng Bắc)	1.1
56	nt	Cầu Cái Trăng	Đầu kênh Năm, cầu Sập (2 bên)	1.2
57	nt	Cầu 19/5	Hết ranh đất ông Tô Công Luận	1.2
58	nt	Cầu 19/5	Vàm kênh 3 Trà	1.2
59	nt	Mố cầu kênh Năm (Tên cũ: Cầu kênh Năm)	Hết ranh đất ông Trương Văn Hộ (Hướng Nam)	1.2
60	nt	Ranh đất ông Tiết Văn Góp	Hết ranh đất ông Dương Văn Sanh	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
61	Xã Hàm Rồng	Vàm kênh Ngang	Vàm kênh Tu (Hướng Nam)	1.2
62	nt	Cầu 19/5	Hết ranh đất bà Lâm Hồng Lán	1.2
63	nt	Ranh đất bà Lâm Hồng Huệ	Vàm Tắc Ông Nghệ (2 bên)	1.2
64	nt	Ranh đất ông Tô Văn Út	Hết ranh đất ông Đặng Văn Hon (Hướng Bắc)	1.2
65	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Que	Hết ranh đất ông Phạm Phi Long (2 bên)	1.1
66	nt	Quốc lộ 1A	Hết ranh đất bà Lê Thị Phiêm (Hướng Nam)	1.2
67	Kênh Ông Tình	Ranh đất ông Lai Hoàng Văn	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Bảy (Hướng Nam)	1.2
68	nt	Ranh đất ông Trần Hữu Hiệp	Hết ranh đất ông Trần Văn Tuấn	1.2
69	Kênh Cạn	Ranh đất ông Đặng Ngọc Dành	Hết ranh đất ông Trương Văn Hùng	1.2
70	Kênh Tắc	Ranh đất ông Đặng Ngọc Dành	Hết ranh Trụ sở văn hoá ấp Cái Nai	1.2
71	Sông Bảy Háp	Vàm kênh Tắc	Vàm Xèo Chòn	1.2
72	nt	Ranh đất ông Phạm Phi Long	Cầu Kênh Mới (2 bên)	1.1
73	nt	Cầu kênh Mới	Hết ranh đất ông Thái Ngọc Tự (2 bên)	1.2
74	Kênh Tắc	Ranh đất Phạm Việt Dũng	Vàm Kênh Tắc	1.2
75	Kinh Năm Cùg	Ranh đất ông Nguyễn Văn Ty	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hùng	1.2
76	Ấp Truyền Huấn	Từ đất ông Huỳnh Tự Dụng	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Chiến	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>5. Xã Hàng Vịnh</b>				
77	Áp Xóm Lớn Trong	Cầu Ông Do	Cầu Xi Tẹt	1.2
78	nt	Cầu Kênh Lò	Cầu Xi Tẹt (Phía Nam lộ)	1.2
79	nt	Cầu Xi Tẹt	Rạch Ông Do (2 bên)	1.2
80	nt	Ranh đất ông Nguyễn Tấn Hòa	Hết ranh đất ông Ngô Văn Hồ (2 bên)	1.2
81	nt	Ranh đất ông Ngô Văn Mía	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Hóa	1.2
82	nt	Ranh đất ông Lê Thanh Phú	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lập	1.2
83	nt	Ranh đất ông Lê Văn Mừng	Hết ranh đất ông Phạm Văn Buôn	1.2
84	nt	Ranh đất ông Dương Văn Cáo	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lê	1.2
85	Áp Xóm Lớn Ngoài	Vàm Cà Trăng	Hết ranh đất ông Trần Văn Hương	1.2
86	nt	Cầu Xi Tẹt	Hết ranh trại giống ông Lê Đức Chính (Dọc theo tuyến sông)	1.2
87	nt	Ranh đất ông Cao Trung Tính	Ngã tư Cà Trăng	1.2
88	Áp 2	Đập ông Hai Sang (Tên cũ: Cầu ông Hai Sang)	Cầu Kênh Lò	1.2
89	nt	Ranh đất ông Trần Sang	Hết ranh đất ông Chu Hoàng Phước (Dọc theo tuyến sông) (Tên cũ: Hết ranh đất ông Chu Hoàng Phước (Dọc kênh Trung Đoàn))	1.2
90	nt	Hết ranh đất ông Lê Văn Chon	Hết ranh đất bà Lý Thị Loan (Dãy nhà ngang)	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
91	Áp 2	Đập ông Hai Sang (Tên cũ: Cầu ông Hai Sang)	Cầu Trung Đoàn	1.2
92	Áp 1	Cầu Trung Đoàn	Cầu Chệt Còm	1.6
93	nt	Cầu Trung Đoàn	Cầu Chệt Còm (Dọc theo tuyến sông)	1.2
94	nt	Cầu Chệt Còm	Cầu Lương Thực	1.6
95	nt	Cầu Chệt Còm	Hẻm nhà bà Bảy Phái (Dọc theo tuyến sông) (Tên cũ: Cầu Giáo Dục (Dọc theo tuyến sông))	1.2
96	nt	Hẻm nhà bà Bảy Phái (Dọc theo tuyến sông) (Tên cũ: Kênh Giáo Dục)	Hẻm Cống chợ (Dọc theo tuyến sông) (Tên cũ: Hết kênh chợ Cá cũ (Dọc theo tuyến sông))	1.2
97	nt	Cầu Tàu	Trước UBND xã cũ	1.2
98	nt	Hẻm Cống chợ (Tên cũ: Kênh chợ Cá cũ)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Dũng (Dọc theo tuyến sông) (Tên cũ: Hết ranh đất ông Tám Hanh (Dọc theo tuyến sông))	1.2
99	nt	Nhà ông Lương Minh Danh (Hẻm Cống Chợ) (Tên cũ: Vàm kênh chợ Cá cũ)	Lộ liên huyện	1.2
100	nt	Lộ liên huyện	Cầu ông Tư Lạc	1.2
101	nt	Lộ liên huyện	Hết ranh đất ông Bùi Minh Đức (Tên cũ: Hết ranh đất ông Trần Chiến)	1.2
102	nt	Lộ nhánh nhà ông Hoài Nhơn	Lộ liên huyện	1.2
103	nt	Cầu Lương Thực	Cầu Công An	1.2
104	nt	Vàm kênh Lương Thực	Lộ liên huyện	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ (3)	Đến (4)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
105	Áp 1	Cầu Công An	Kênh xáng Cái Ngay	1.2
106	nt	Cầu Công An	Nhà ông Nguyễn Huy Đình (Tên cũ: Ranh đất trường Công Nông cũ (Nhà Huế Đình))	1.2
107	nt	Cầu Chệt Còm	Hết ranh đất ông Mai Xuân Dế	1.2
108	nt	Lộ liên huyện	Hèm Sơn Sương (Hết ranh đất ông Huỳnh Thanh Hải)	1.2
109	nt	Lộ liên huyện	Hết ranh đất ông Lê Công Lượng	1.2
110	Áp 3	Ranh đất ông Nguyễn Văn Tâm	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Sơn	1.2
111	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Tấn Tài (Tên cũ: Hết ranh đất ông Diên Văn Sơn)	Giáp ranh áp 4	1.2
112	nt	Ranh đất ông Đỗ Văn Thật	Hết ranh đất ông Tuyết Thanh Thum	1.0
113	nt	Ranh đất ông Hòa Hồng Phương	Hết ranh đất ông Nguyễn Thanh Liêm	1.0
114	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Hiệp	Hết ranh đất ông Đỗ Xuân Cường (Tên cũ: Hết ranh đất ông Đỗ Xuân Tường)	1.0
115	nt	Lộ liên huyện	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tình	1.0
116	nt	Ranh đất ông Mã Thanh Huỳnh	Hết ranh đất ông Đặng Quang Sang	1.0
117	Áp 4	Ranh đất ông Nguyễn Văn Dũng	Hết ranh đất ông Lê Thiện Trí (Tên cũ: Hết ranh đất ông Nguyễn Thiện Trí)	1.0
118	nt	Trại giống ông Thái Thanh Hòa (Tên cũ: Trại giống ông Thái Văn Hòa)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hồng	1.0
119	nt	Giáp ranh áp 3	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Vinh	1.0

STT	Đường, tuyên lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ (3)	Đến (4)	
(1)				(5)
120	Áp 4	Ranh đất ông Trương Văn Kỳ	Giáp áp Kênh Mới (Xã Hàm Rồng)	1.0
121	nt	Ranh đất ông Hùng	Hết ranh đất ông An	1.0
122	nt	Ranh đất ông Dũng	Hết ranh đất ông Bình	1.0
123	Áp 2	Ranh đất ông Trần Văn Quận	Ranh đất bà Nguyễn Thị Thanh (dọc kênh Trung Đoàn)	1.2
<b>6. Xã Đất Mới</b>				
124	Áp Ông Do	Vàm Ông Do	Hết ranh đất ông Nhân	1.2
125	nt	Ranh đất ông Trúc	Hết ranh đất ông Hai Sang	1.3
126	nt	Ranh đất ông Thăng Đen	Sông Bảy Háp	1.0
127	nt	Vàm Ông Do	Kênh Bảy Thạnh	1.2
128	Áp Ông Chùng	Dốc Cầu Dây Giăng	Cống Ông Tà	1.2
129	nt	Trường mẫu giáo (Tên cũ: Trường Tiểu học 2)	Trường tiểu học 2 (Tên cũ: Miếu Ông Tà)	1.4
130	nt	Trường tiểu học 2	Ngã tư Xẻo Ốt	1.3
131	Áp Xóm Mới	Vàm kênh Nước Lên	Kênh Tùng Dện	1.2
132	Áp Phòng Hộ	Vàm kênh Tùng Dện	Hết ranh đất ông Chiến Sò	1.2
133	Áp Trại Lưới A	Trường Tiểu học 4	Hết ranh đất ông Hùng xăng dầu	1.2
134	Áp Trại Lưới A	Trường Tiểu học 4	Ngọn Kênh Đào	1.2
135	nt	Vàm Kênh Đào	Ngã ba Kênh Năm	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ (3)	Đến (4)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
136	nt	Vàm Trại Lưới	Hết ranh trại giống ông Hùng Cường	1.2
137	Áp Cây Thơ	Ngã tư Cây Thơ	Hết ranh đất ông Nguyễn Trường Sơn	1.2
138	nt	Ngã tư Cây Thơ	Ngã tư Bùi Mắc	1.2
139	Áp Ông Chùng	Trường Trung học cơ sở	Ngã ba Ông Chùng	1.2
140	nt	Ngã ba Ông Chùng	Vàm Ông Do (Bây Háp)	1.0
141	nt	Dốc Cầu Dây Giăng	Vàm Xèo Ớt	1.2
142	nt	Dốc Cầu Dây Giăng	Kênh Xáng quốc phòng (giáp thị trấn) (Tên cũ: Cầu Ông Tà)	1.2
<b>7. Xã Lâm Hải</b>				
143	Áp Xèo Sao	Vàm Trại Lưới	Vàm Xèo Sao	1.2
144	nt	Vàm Xèo Sao	Vàm Lỗ	1.2
145	Áp Trại Lưới B	Rạch Vàm Lỗ	Rạch Nà Nước	1.2
146	Áp Biện Trượng	Ngã ba Đầu Chà	Đổi diện Vàm Nà Chim	1.2
147	nt	Vàm Ông Ngươn	Vàm Ba Nguyễn	1.2
148	Áp Trại Lưới B	Vàm Lỗ	Hết ranh đất ông Nam	1.2
149	nt	Vàm Nà Nước	Kênh Trồn Sóng	1.2
150	Áp Xèo Lớn + Áp Ông Ngươn	Vàm Ông Ngươn	Hết ranh đất ông Hai Xệ (2 bên)	1.0
151	Áp Ông Ngươn	Ranh đất ông Mận	Vàm Chùng	1.2

STT	Đường, tuyên lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K) (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
152	Áp Chà Là	Ranh đất ông Chia	Hết ranh đất ông Hạ	1.2
153	nt	Ranh đất ông Hạ	Hết ranh đất ông Hùng	1.2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2

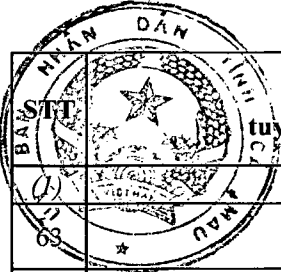


(1)	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K) (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
<b>I. Xã Tam Giang Tây</b>				
1	Xã Tam Giang Tây	Cầu Tàu	Hết ranh Trạm y tế xã	1.3
2	nt	Cầu Tàu	Giáp ranh đất khu liên doanh	1.3
3	nt	Ranh đất khu liên doanh 02 bên		1.3
4	nt	Ngã tư Chợ	Hết ranh Trường tiểu học 1 (Chợ Thù A)	1.2
5	nt	Hết ranh trường tiểu học 1	Cầu Bào Công (Chợ Thù A)	1.3
6	nt	Ranh đất Bưu điện	Hết ranh đất ông Bảy Tùng (Chợ Thù A)	1.3
7	nt	Ranh đất ông Bằng	Hết ranh đất ông Yên (Chợ Thù A)	1.3
8	nt	Ranh đất Bà Loan	Hết ranh Trạm y tế xã (Chợ Thù A)	1.3
9	nt	Ranh đất Bà Xuân	Cầu Thù (Chợ Thù A)	1.3
10	nt	Cầu Bào Công	Rạch Bào Vĩ	1.0
11	nt	Ranh đất Trạm Biên phòng	Cầu Xẻo Ngang	1.3
12	nt	Cầu Thù	Rạch Xẻo Đung (Chợ Thù B)	1.3
13	nt	Cầu Xẻo Ngang	Cầu Thù (Chợ Thù B)	1.4
14	nt	Hết ranh Trường tiểu học 2	Cầu Ông Tôn (Chợ Thù B)	1.1
15	nt	Cầu Ông Tôn	Vàm kênh Chín Biện	1.0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
16	Xã Tam Giang Tây	Ranh đất Trường tiểu học 2	Hết ranh đất ông Dung	1.3
17	nt	Vàm Cà Nảy Nhỏ	Cầu Xí Nghiệp	1.2
18	nt	Cầu Xí Nghiệp	Hết ranh đất trại giống Quang Hà	1.0
19	nt	Hết ranh Trạm Y Tế (Chợ Thù A)	Kênh Võ Hào Thuật	1.0
20	nt	Ranh đất Bà Thiện	Hết ranh đất Trường Mẫu Giáo	1.3
21	nt	Ngang Nhà Lồng Chợ	Hết ranh đất Bà Nga	1.3
22	nt	Cầu bà Khệt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Chiến	1.3
23	nt	Lộ cấp VI đồng bằng	Cầu Bảo Vĩ (Đất ông Thanh)	1.3
24	nt	Lộ cấp VI đồng bằng	Hết lộ GTNT hiện hữu (Đất ông Dũng)	1.3
<b>2. Xã Tân Ân Tây</b>				
25	Xã Tân Ân Tây	Cầu ông Định (Tên cũ: Kênh Bảy Tuyền)	Hết ranh Khu nghĩa địa (Trung tâm xã)	1.0
26	nt	Khu vực Dơi Đá	Dọc sông Đường Kéo đến rạch Chà Là 100m và rạch Giáp Nước 400m	1.3
27	nt	Hết ranh Khu nghĩa địa (Trung tâm xã)	Cầu kênh Nước Lộn	1.0
28	nt	Vàm Ông Như	Vàm Ông Quyền (Dọc theo sông Cửa Lớn)	1.0
29	nt	Bến phà sông Cửa Lớn	Cầu ông Định	1.4
30	nt	Cầu Rạch Chà Là	Hết ranh quy hoạch KDC Dơi Giá	1.0
31	Xã Tân Ân Tây	Ranh quy hoạch KDC Dơi Giá	Cầu kênh Võ Hào Thuật	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>3. Xã Tân Ân</b>				
32	Xã Tân Ân	Rạch Ô Rô	Cầu Nhà Phiếu	1.2
33	nt	Cầu Nhà Phiếu	Cầu Nhà Diệu	1.2
34	nt	Cầu Nhà Diệu	Cầu Dinh Hạng	1.2
35	nt	Cầu Dinh Hạng	Cửa Hóc Năng (Hết ranh đất dự án CWPD)	1.0
<b>4. Xã Viên An Đông</b>				
36	Xã Viên An Đông	Ranh đất ông Phan Văn Thiết	Hết ranh đất ông Phan Văn Sậy	1.2
37	nt	Cầu Lão Nhược (Ranh đất ông Nguyễn Bé Em)	Hết ranh Trường trung học cơ sở	1.2
38	nt	Ranh đất ông Trần Quốc Khởi	Hết ranh đất ông Đoàn Tuấn	1.0
39	nt	Ranh đất ông Lê Văn Trọng	Hết ranh đất ông Mạnh	1.2
40	nt	Cầu Lão Nhược	Hết ranh Trường Mẫu Giáo (Trường THCS cũ)	1.2
41	nt	Ranh đất ông Ngô Văn Sơn	Vàm Đốc Neo	1.2
42	nt	Ranh đất cơ sở sản xuất nước đá Hiền Phúc	Vàm Nhung Miên	1.2
43	nt	Vàm Biện Nhạn	Vàm Ông Miếu	1.2
44	nt	Vàm Xẻo Lá (Từ trụ điện vượt sông)	Hết ranh Trạm viễn thông	1.2
45	nt	Cụm dân cư ngã ba Cạnh Đền từ ngã ba ra mỗi hướng + 300m		1.2
46	nt	Cụm ngã ba So Đũa		1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
47	Xã Viên An Đông	Khu Trung tâm chợ xã Viên An Đông		1.2
<b>5. Xã Viên An</b>				
48	Xã Viên An	Vàm Ông Trang	Hết ranh đất ông Tám Chương (Khu phố A)	1.2
49	nt	Bốn khu phố A; B; C; D		1.2
50	nt	Ranh Nhà lồng chợ	Hết ranh Nhà Đèn cũ	1.3
51	nt	Ranh đất Hăng nước đá Thùy Trang	Hết ranh Khu xăng dầu	1.2
52	nt	Khu kiốt	Hết ranh Nhà lồng chợ	1.2
53	nt	Hết ranh Nhà Đèn cũ	Vàm Ông Đồi	1.2
54	nt	Ranh đất ông Tư Đen	Hết ranh Trạm y tế xã	1.2
55	nt	Hết ranh Trạm y tế xã	Hết ranh đất ông Ba Dũng	1.2
56	nt	Ranh đất đền thờ Bác Hồ	Rạch Xẻo Bè	1.3
57	nt	Chợ Tác Góc	Ngã ba ra tuyến sông	1.2
58	nt	Chợ So Đũa	Ngã ba ra tuyến sông	1.2
59	nt	Vàm Ông Linh (Sắc Cò)	Ngã ba ra tuyến sông	1.2
60	Xã Viên An	Khu cán bộ		1.2
61	nt	Khu giáo viên		1.1
62	nt	Vàm Ông Thuộc	Vàm Ông Đồi	1.3



	Đường, tuyên lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K) (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
		63	Xã Viên An	
64	nt	Vàm Ông Trang	Cầu Ông Đồi	1.2
65	nt	Trạm Nước	Hết ranh đất ông Lê Văn Lốp	1.2
<b>6. Xã Đất Mũi</b>				
66	Xã Đất Mũi	Khu quy hoạch Trung tâm chợ xã		1.8
67	nt	Ranh đất Đội thuế xã	Lộ Tê	1.8
68	nt	Giáp ranh khu quy hoạch Trung tâm chợ xã	Cầu Lạch Vàm	1.7
69	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Chuyển	Kênh Năm	1.7
70	nt	Ranh Trụ sở Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	Hết ranh Đồn Biên Phòng 680	1.4
71	nt	Hết ranh Đồn Biên Phòng 680	Cửa Vàm Xoáy	1.2
72	nt	Ranh đất nhà bà Nho	Hết ranh đất nhà ông Hai Hòa	1.2
73	nt	UBND xã Đất Mũi	Kênh Năm (2 bên)	1.5
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2



### PHỤ LỤC III: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên loại đất		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
01	Đất trồng cây hàng năm (Đất trồng lúa, Đất trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, Đất trồng cây hàng năm còn lại, Đất nuôi trồng thủy sản, Đất nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng lúa)	1.0
02	Đất trồng cây lâu năm	1.0
03	Đất rừng sản xuất :	1.0
	+ Khu vực Rừng ngập lợ	
	+ Khu vực Rừng ngập mặn	
	+ Đất rừng sản xuất kết hợp nuôi trồng thủy sản	
04	Đất rừng phòng hộ (Rừng phòng hộ rất xung yếu và rừng phòng hộ xung yếu)	1.0
	+ Đất rừng phòng hộ xung yếu	
	+ Đất rừng phòng hộ kết hợp nuôi trồng thủy sản	
05	Đất rừng đặc dụng	1.0
06	Đất làm muối	1.0